

Số : 85 /CBTT-THP

Đà Nẵng, ngày 15 Tháng 5 năm 2020

“ Công bố thông tin thông báo phát hành
cổ phiếu ra công chúng ”

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Trụ sở chính: KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236.3920920 Fax: 0236.3923308
- Email: info@thuanphuoc.vn
- Sàn giao dịch : UPCOM.
- Mã chứng khoán : THP.
- Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Phi Anh.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Loại thông tin công bố :

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước công bố thông tin Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 89/GCN-UBCK ngày 07/05/2020 và Bản cáo bạch đã được UBCK nhà nước phê duyệt.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn : <http://www.thuanphuoc.vn>.(mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm : Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Nơi nhận :

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

NGUYỄN THỊ PHI ANH

Số: 89 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý chào bán chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

– Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: THUAN PHUOC SEAFOODS AND TRADING CORPORATION;

– Trụ sở chính: Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;



– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0400100432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 10 năm 2014;

– Vốn điều lệ: 72.039.950.000 đồng (*Bảy mươi hai tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được đăng ký phát hành và chào bán theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
3. Tổng số cổ phiếu phát hành và chào bán: 14.407.190 cổ phiếu (*Mười bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm chín mươi cổ phiếu*), trong đó:
 - Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 7.203.595 cổ phiếu;

– Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 7.203.595 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị phát hành và chào bán (tính theo mệnh giá): 144.071.900.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn tỷ không trăm bảy mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*).

5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 10 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng kí chào bán số 89./GCN-UCBK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 – Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Địa chỉ : Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại : 0236 3920920 Fax : 0236 3923308
Website : <http://www.thuanphuoc.vn>

2 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội
Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262
Website : www.vCBS.com.vn
Chi nhánh : 247 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Thị Phi Anh
Chức vụ : Tổng giám đốc
Điện thoại : 0236.3920920 Fax: 0236.3923308

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 10 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
(Giấy chứng nhận đăng kí chào bán số/GCN-UCBK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng ... năm)

BẢN CÁO BẠCH SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 – Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Địa chỉ : Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại : 0236 3920920 Fax : 0236 3923308

Website : <http://www.thuanphuoc.vn>

2 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262

Website : www.vcbs.com.vn

Chi nhánh : 247 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Nguyễn Thị Phi Anh

Chức vụ : Tổng giám đốc

Điện thoại : 0236.3920920

Fax: 0236.3923308

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 10 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng số lượng phát hành: 14.407.190 cổ phần, trong đó : Phát hành 7.203.595 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán 7.203.595 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Tổng giá trị phát hành dự kiến là : 144.071.900.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (84) 236.3655886 Fax : (84) 236.3655887

Website : www.aac.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (84) 236.3633334 Fax : (84) 236.3633334

Website : www.rsm.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262

Website : www.vcbs.com.vn

Chi nhánh : 135 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	12
7. Rủi ro khác.....	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	14
1. Tổ chức phát hành.....	14
2. Tổ chức tư vấn.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	15
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty :.....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty :.....	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.	28
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, những công ty mà Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước.....	31
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	31
7. Hoạt động kinh doanh.....	32
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất .	
9. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	39
10. Chính sách đối với người lao động.....	42
11. Chính sách cổ tức.....	43
12. Tình hình tài chính :.....	43
13. Một số lưu ý khác.....	48
14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.....	53
14. Tài sản.....	73

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	75
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	77
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	77
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	78
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán (nếu có).....	78
V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.....	78
1. Loại cổ phiếu:	78
2. Mệnh giá:	78
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành :	78
4. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ cổ phiếu	78
5. Phương pháp tính giá:.....	78
6. Phương thức phân phối:.....	79
7. Thời gian phân phối cổ phiếu:	80
8. Đăng ký mua cổ phiếu:	80
9. Phương thức thực hiện quyền.....	81
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với các điều ước quốc tế)	82
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	82
12. Các loại thuế có liên quan.....	83
13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	83
VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	83
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	86
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	87
1. Tổ chức tư vấn	87
2. Tổ chức kiểm toán	87
3. Ý kiến của VCBS về đợt chào bán cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước.....	88
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN	89
X. PHỤ LỤC	90

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Kinh tế thế giới :

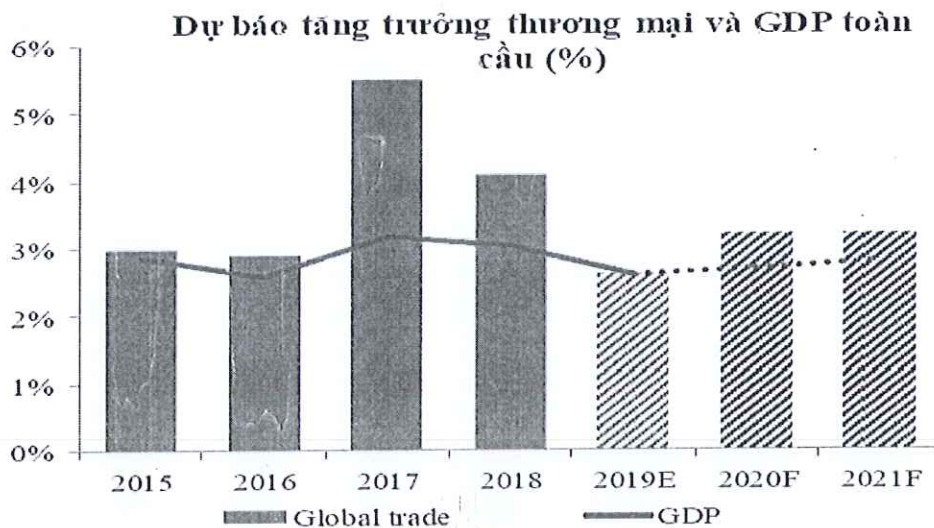
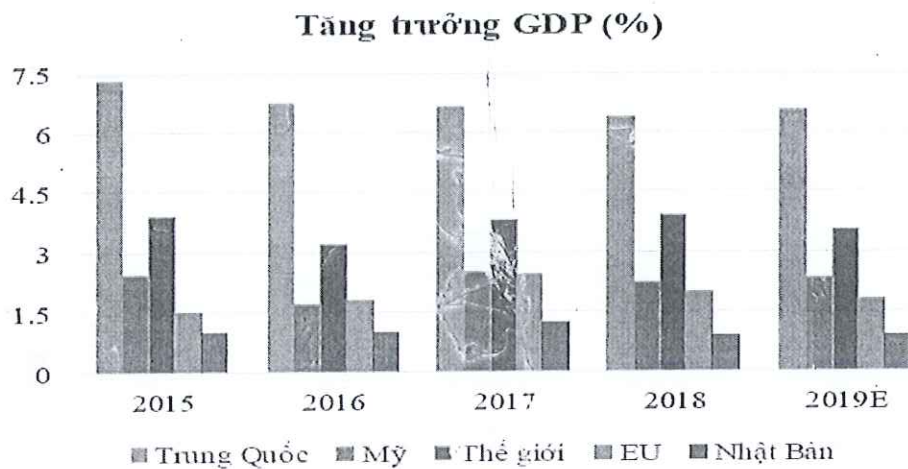
Bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2019 đang trên đà suy giảm trong bối cảnh thương mại toàn cầu ảnh hưởng từ cuối năm 2018, liên quan từ chiến tranh thương mại, liên quan từ những chính sách thương mại cứng rắn, xu hướng bảo hộ mậu dịch, tình trạng thất nghiệp gia tăng tại nhiều quốc gia, đặc biệt là khoản nợ công toàn cầu.

- Theo Word Bank, tăng trưởng GDP Mỹ dự báo giảm về 2,5% trong năm 2019 (so với mức tăng 2,9% trong năm 2018), và sau đó tiếp tục giảm nhẹ về lần lượt 1,7% và 1,6% trong các năm 2020 và 2021.
- Trung Quốc đang trải qua tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong vòng 30 năm. Đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm 2019 trong khoảng 6%-6,5%, tuy nhiên với sự giảm tốc đang diễn ra, Trung Quốc nhiều khả năng chỉ đạt cận dưới của mục tiêu đề ra.
- Tăng trưởng tại EU có tốc độ mở rộng giảm dần. Ủy ban châu Âu đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế, chỉ tăng 1,1% trong năm 2019.
- Nền kinh tế Nhật Bản hồi phục sau năm hứng chịu nhiều thiên tai. Tuy nhiên tốc độ hồi phục còn chậm trong bối cảnh hoạt động thương mại với đối tác quan trọng - Trung Quốc đang chịu áp lực suy giảm.

Các yếu tố bất định gia tăng: Suy giảm kinh tế có thể chịu ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các nền kinh tế lớn, đặc biệt là chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn trên thế giới. Năm 2019 chứng kiến xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương (NHTW), việc các NHTW nổi bật là FED có xu hướng thay đổi chính sách tiền tệ từ thắt chặt sang nới lỏng tạo nên tác động đến sự dịch chuyển dòng vốn tại các thị trường cận biên và mới nổi và giá cả các loại hàng hóa niêm yết theo đồng USD. Điều này đã dẫn đến khả năng rút vốn từ các thị trường cận biên và mới nổi giảm đi đáng kể. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ tạo ra những thời cơ và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia.

Tình hình thời sự nóng bỏng nhất hiện nay là ngăn chặn đại dịch virus corona (nCoV). Hậu quả của dịch nCoV đối với kinh tế Trung Quốc và toàn cầu dự báo sẽ khốc liệt hơn trận

dịch SARS trước đây. Vai trò của Trung Quốc trong kinh tế thế giới đã quá lớn so với gần 20 năm trước.



Nguồn: WB, VCBS tổng hợp

Kinh tế Việt Nam

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn

ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch. GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% (Quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48%; quý IV tăng 6,97%), vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực thực hiện để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.¹

Những rủi ro lớn nhất đối với các yếu tố kinh tế vĩ mô Việt Nam :

- Trung Quốc hoặc các NHTW lớn khác trên thế giới đảo ngược chính sách tiền tệ hiện tại có thể dẫn đến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam biến động mạnh.
- Mỹ áp dụng các biện pháp trừng phạt lên Việt Nam. Về thương mại, Việt Nam là quốc gia nằm trong top quốc gia Mỹ có thâm hụt thương mại lớn và liên tục có xu hướng tăng. Bởi vì, Việt Nam có nguy cơ trở thành quốc gia để Trung Quốc né các biện pháp thuế quan. Tuy nhiên, Việt Nam chưa hội tụ động cơ để Mỹ có thể tiến hành các biện pháp trừng phạt: Các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ hàm lượng công nghệ không cao: ngoại trừ linh kiện, điện thoại di động từ Samsung, chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng như hàng may mặc, giày dép, đồ gỗ. Tỷ trọng thương mại Việt Nam trong tổng thể hoạt động thương mại của Mỹ rất nhỏ. Và cuối cùng, cũng là yếu tố quan trọng nhất, các vấn đề thương mại được Mỹ khơi mào có cả những động cơ chính trị thay vì thương mại đơn thuần. Việt Nam sẽ chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề trong trường hợp Mỹ gia tăng sức ép lên nền kinh tế Việt Nam trong trường hợp Mỹ thông qua một số động thái như: Mở rộng danh mục hàng hóa Việt Nam bị điều tra về bán phá giá (thực chất là hàng hóa Trung Quốc thông qua Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ), tiến hành điều tra Việt Nam về thao túng tiền tệ.
- Các thông tin liên quan đến hoạt động xếp loại tín nhiệm và nâng hạng thị trường của Việt Nam. Đầu tháng 10, Moody's Investors Service thông báo đưa Việt Nam vào danh sách để xem xét hạ xếp hạng Trái phiếu bằng nội tệ, Trái phiếu bằng ngoại tệ và Nợ không đảm bảo được ưu tiên thanh toán trước của Việt Nam – từ bậc Ba3 tại thời điểm hiện tại. Sau đó, Moody's đã thông báo về việc giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam ở mức Ba3 đối với các khoản phát hành bằng đồng nội tệ, ngoại tệ và các khoản vay cao cấp không được bảo đảm và chính thức điều chỉnh triển

¹ Tổng cục thống kê <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19454>

vọng xuống Tiêu cực, sau khi đã đưa hồ sơ tín dụng của Việt Nam vào diện theo dõi hạ bậc kể từ ngày 9/10/2019.

Những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước cũng không nằm ngoài sự tác động trên.

Là một Công ty hoạt động trong ngành thủy sản, cung cấp hàng hóa xuất khẩu sang nước ngoài, tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế, cũng như tiến trình ký kết các hiệp định kinh tế giữa Việt Nam và các nước khác sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ là một trong những công cụ quan trọng để công ty xây dựng các chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, nhân sự, nguồn vốn trung và dài hạn. Chỉ số lạm phát cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào như giá xăng dầu, giá nhân công và ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu – những khách hàng của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Thêm vào đó, là công ty đại chúng quy mô lớn, ngoài luật doanh nghiệp và các luật liên quan, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự tác động của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành như :

3.1 Rủi ro về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm

Các công ty chế biến thủy sản phải thực hiện rất nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Hơn nữa, thị trường xuất khẩu là thị trường rất khó tính, xu hướng bảo hộ thương mại, các hàng rào kỹ thuật, kiểm dịch chặt chẽ và thường xuyên ban hành các tiêu chuẩn

mới khát khe hơn về dư lượng kháng sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Một khi không tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu đồng nghĩa với việc tự loại bỏ mình ra khỏi thị trường.

Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, Công ty đã xây dựng chính sách chất lượng với 07 cam kết để phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản an toàn có chất lượng tốt, có uy tín trên thị trường quốc tế.

3.2 Rủi ro về nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào là yếu tố rất quan trọng đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản. Trong những năm gần đây, nguyên liệu đầu vào cho ngành sản xuất chế biến thủy sản luôn trong tình trạng thiếu hụt khiến giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh không ngừng tăng.

Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu đầu vào cũng rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm.

3.3 Rủi ro về nguồn nhân lực

Tình trạng khan hiếm lao động, cũng như chất lượng lao động đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành thủy sản. Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp thủy sản Việt Nam luôn phải đối phó với việc thiếu lao động diễn ra gần như quanh năm. Đội ngũ lao động sau mỗi kỳ nghỉ lễ, đặc biệt là tết âm lịch lại giảm mạnh. Do vậy, doanh nghiệp phải mất một khoản chi phí lớn cho việc tuyển dụng và đào tạo lao động mới.

Để đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do việc thiếu nhân công, ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động một môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá. Do đó, Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước luôn có một đội ngũ lao động dồi dào, chuyên môn cao và sẵn sàng gắn bó lâu dài với lợi ích của Công ty.

3.4 Rủi ro về tỷ giá

Đối với các doanh nghiệp, sự biến động thất thường, phức tạp của tỷ giá tác động không nhỏ tới kết quả kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, khi tỷ giá tăng thì doanh thu và lợi nhuận cũng tăng và ngược lại.

3.5 Rủi ro của việc sử dụng vốn vay

Sử dụng vốn vay trong hoạt động kinh doanh được xem như là một đòn bẩy tài chính hữu hiệu của các doanh nghiệp, nhằm gia tăng năng lực hoạt động và nâng cao lợi nhuận. Tuy nhiên, doanh nghiệp với cơ cấu vốn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay sẽ đối mặt với

một số rủi ro nhất định. Trong điều kiện lãi suất liên tục tăng sẽ gây áp lực lên khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Và khi lợi nhuận thu được không đủ chi trả các khoản nợ vay có thể dẫn doanh nghiệp đến bờ vực phá sản nhanh hơn.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Trong quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc, có thể có những rủi ro nhất định. Bản cáo bạch này đưa ra dự báo về những rủi ro có khả năng xảy ra nhưng không bao hàm ý nghĩa chắc chắn sẽ xảy ra. Những rủi ro từ đợt chào bán nếu có sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn thu từ đợt phát hành của Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước.

Tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn tăng trưởng nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, vì thế thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua cũng tăng giảm bất thường và không còn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư đáng khoản. Mức giá chào bán của cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước thấp hơn giá trị sổ sách (GTSS) của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 nên rủi ro đợt phát hành không thành công là khó có khả năng xảy ra.

4.2 Rủi ro về sử dụng vốn

Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 144.071.900.000 đồng (trong đó, tăng 72.035.950.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu và thu tiền 72.035.950.000 đồng từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu). Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để “Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”. Đây là kế hoạch sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban giám đốc cân nhắc kỹ và được ĐHCĐ công ty thông qua nên rủi ro sử dụng vốn của đợt phát hành này là không lớn.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên, sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm : (i) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (ii) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

(i) Xét về pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyết biểu quyết : Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án phát hành, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền, cổ phiếu lẻ do làm tròn xuống sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho

các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ bị thay đổi nếu tình hình nhiều cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua/ hoặc chuyển nhượng quyền mua cho một hoặc một nhóm người (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

(ii) Xét về sự pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần thì sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Giả định, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2019 ước tính là cao hơn so với năm 2018, nhưng chỉ số EPS của năm 2019 thấp hơn EPS của năm 2018 (tốc độ tăng trưởng EPS âm), làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Cụ thể, theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, LNST năm 2018 là 92.474.620.358 đồng. EPS theo BCTC kiểm toán năm 2018 của công ty là: 12.837 đồng. Giả sử : Ngày 01 tháng 10 năm 2019, Công ty hoàn thành việc phát hành thành công 14.407.190 cổ phần (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận sau thuế năm 2019 dự kiến là 101.722.082.393 đồng (tăng 10% so với năm 2018). Ta có EPS năm 2019 của Công ty là:

$$\text{EPS} = \frac{\text{LN chia cho CĐ thường}}{\text{Tổng khối lượng CPPT đang lưu hành BQ trong kỳ(**)}} = \frac{101.722.082.393}{10.795.524} = 9.422 \text{ (đồng)}$$

(* *) Tổng khối lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ là đại lượng bình quân theo số ngày. Tổng số ngày thực tế theo lịch, bao gồm cả ngày lễ và ngày nghỉ, được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng} \\ \text{cổ phiếu lưu} \\ \text{hành bình quân} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số} \\ \text{lượng} \\ \text{cổ phiếu} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu} \\ \text{phát hành thêm x Số} \\ \text{ngày lưu hành trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phiếu mua} \\ \text{lại trong kỳ x Số ngày} \\ \text{được mua lại trong kỳ} \end{array}} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm x Số ngày lưu hành trong kỳ}}{\text{Tổng số ngày trong kỳ}}$$

Áp dụng với trường hợp phát hành thêm của TSTP :

$$\begin{aligned} \text{Tổng khối lượng cổ} \\ \text{phiếu lưu hành bình} \\ \text{quân trong kỳ} \end{aligned} = 7.203.595 + \frac{14.407.190 * 91}{365} = 10.795.524 \text{ (cổ phần)}$$

Như vậy, mặc dù lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân bổ cho cổ đông năm 2019 ước tính là cao hơn so với năm 2018: 10%, nhưng chỉ số EPS của năm 2019 lại thấp hơn so với năm 2018, làm cho mức độ hấp dẫn của cổ phiếu này đối với nhà đầu tư bị suy giảm.

Đó là một trong những yếu tố rủi ro của việc phát hành cổ phần để tăng thêm vốn điều lệ. Nhưng nếu xét về bản chất thì thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn để phục vụ cho việc đầu tư phát triển công ty. Việc phát hành ra công chúng có làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu nhưng trong bối cảnh vay vốn ngân hàng không dễ, lãi suất tăng cao thì việc phát hành tăng vốn là một hướng đi hoàn toàn hợp lý. Nếu doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, các dự án khả thi thành công, thì cũng sẽ nhanh chóng làm tăng giá trị cổ phiếu hơn.

(iii) Xét về mức độ pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

$$\begin{aligned} \text{Giá sổ sách/cổ phần} \\ = \end{aligned} \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/ cổ phần sẽ giảm.

(iv) Xét về pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm :

Hiện nay, cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước chưa có giao dịch chính thức trên thị trường chứng khoán tập trung nên giá giao dịch của Công ty chưa được xác định cụ thể. Mức pha loãng này chưa được phản ánh.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Các nhóm sự kiện chính liên quan đến rủi ro quản trị là :

(i) Gian lận nội bộ, gian lận bên ngoài: tổn thất do các sự kiện gian lận, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giả mạo hồ sơ chứng từ, biển thủ tham ô tài sản ngân hàng, phá hoại tài sản

công ty, trộm cắp tổng tiền... do nhân viên công ty gây ra hoặc tiếp tay cho tội phạm bên ngoài.

(ii) Chính sách lao động và môi trường làm việc: khả năng tổn thất do Công ty không xử lý đúng quy định, không thỏa đáng các chính sách lương thưởng và nhân sự, không đảm bảo quyền lợi cho người lao động - một trong các nhóm lợi ích liên quan được đề cập ở trên trong quản trị doanh nghiệp.

(iii) Khách hàng, sản phẩm dịch vụ và thực tiễn môi trường kinh doanh: khả năng tổn thất phát sinh từ các lỗi, sai sót không cố ý hoặc do sơ suất trong việc đáp ứng các trách nhiệm nghề nghiệp đối với khách hàng, hoặc không tuân thủ đúng các thực tiễn, các tiêu chuẩn thực hành của môi trường kinh doanh. Đây là một mục tiêu chính của quản trị doanh nghiệp.

(iv) Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ bị mất mát hoặc bị phá hoại do thiên tai hoặc các sự kiện bên ngoài khác như khủng bố, chiến tranh, cháy nổ. Giám đoạn hoạt động hoặc lỗi hệ thống công nghệ thông tin.

(vi) Cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Mặc dù doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khâu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để tạo dựng hình ảnh, mời các chuyên gia phân tích, các nhà đầu tư có tổ chức đến dự, phóng viên đến đưa tin..., nhưng khi biểu quyết các vấn đề tại đại hội thì không thông qua được do không dung hòa được những mâu thuẫn lợi ích khi xây dựng kế hoạch tăng vốn, kế hoạch triển khai dự án, kế hoạch chi trả cổ tức.

(vii) Hoạt động quan hệ cổ đông : Hoạt động quan hệ cổ đông tốt không chỉ nằm ở việc tạo dựng các kênh thông tin cho cổ đông, mà còn ở việc bản thân doanh nghiệp ứng phó như thế nào trước các tình huống xấu để duy trì được lòng tin của cổ đông.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng. Tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- ✦ Ông Trần Văn Lĩnh Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước
- ✦ Bà Nguyễn Thị Phi Anh Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước
- ✦ Bà Hà Thị Thu Thủy Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước
- ✦ Bà Võ Thị Hà Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Phạm Kim Ngọc Chức vụ: Giám đốc VCBS-CN Đà Nẵng

(Theo Giấy ủy quyền số 36/2018/UQ-VCBS-KSNB ngày 02/07/2018 của Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do công ty chứng khoán Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, cụm từ ngữ nghĩa:

- TSTP : Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước
- VCBS : Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
- SGDCK TP. HCM: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Tổ chức tư vấn : Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Điều lệ Công ty : Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

CP	:	Cổ phần
CTCP	:	Công ty cổ phần
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị
BTGD	:	Ban Tổng giám đốc
BKS	:	Ban kiểm soát
HĐSXKD	:	Hoạt động sản xuất kinh doanh
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TMCP	:	Thương mại cổ phần
VN	:	Việt Nam
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	:	Ngân hàng thương mại
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
DT	:	Doanh thu
DTT	:	Doanh thu thuần
LN	:	Lợi nhuận
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TSCĐ	:	Tài sản cố định
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1 Giới thiệu chung :

- Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Tên giao dịch: THUAN PHUOC SEAFOODS AND TRADING CORPORATION.
- Tên giao dịch viết tắt: THUAN PHOC CO., LTD.

- Địa chỉ : Khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng.

- Điện thoại : 0236.3920920 Fax : 0236.3923308

- Email : info@thuanphuoc.vn

- Website : www.thuanphuoc.vn

- Logo :



- Vốn điều lệ : 72.039.950.000 đồng (Bảy mươi hai tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng)

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 10 năm 2014;

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh	1020 (Chính)
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Cung cấp, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp điện lạnh và công nghiệp thực phẩm	4329
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
4	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn	8559
5	Sản xuất rượu vang Chi tiết : Sản xuất rượu	1102
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết : Sản xuất nước giải khát các loại	1104
7	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết : Sản xuất bia	1103

8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ. Nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ, phương tiện giao thông vận tải và hàng tiêu dùng	4669
9	Nuôi trồng thủy sản biển (Không hoạt động tại trụ sở)	0321
10	Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)	0322
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô	4933
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hậu cần nghề cá	5229
13	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ	1079
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa	4610

1.2 Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh. Trong nhiều năm qua, với sự nỗ lực không ngừng doanh nghiệp đã phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. Thị trường xuất khẩu tôm của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng đến nhiều Quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó chủ yếu tập trung vào Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước thuộc Liên minh Châu Âu, Canada, Australia, Đài Loan, Thụy Sĩ, các nước Đông Nam Á...

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành lập vào tháng 6 năm 1987 với tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh 32, được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước năm 2007 theo Quyết định số: 9384/QĐ-UBND ngày 31/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng “Về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành Công ty cổ phần”. Hiện Công ty hoạt động tại KCN dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Sự hình thành và phát triển của Công ty được chia làm 03 giai đoạn chính:

+ Giai đoạn 1 : Từ năm 1987 đến năm 1997

Xí nghiệp đông lạnh 32, được thành lập năm 1987 với vốn điều lệ ban đầu 17.000.000 đồng cùng với một số máy, thiết bị cũ, lạc hậu. Đứng trước tình hình khó khăn lúc bấy giờ, Công ty đã tự tìm hướng đi riêng cho mình bằng cách vận dụng các cơ chế thích hợp như ứng vật tư, hàng hoá, vận động ngư dân bán nguyên liệu, kinh doanh thương mại tổng hợp, mua bán vàng, ngoại tệ...nhờ đó từng bước vượt qua khó khăn, dần dần có vốn để duy trì sản xuất.

Trong thời kỳ từ năm 1988 đến năm 1992, trước nhu cầu mở rộng và phát triển sản xuất nhằm sản xuất ra nhiều sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường, Công ty tiến hành đầu tư mua sắm thêm các máy, thiết bị như: 02 xe lạnh, Tủ đông công suất 1,5tấn/mẻ, xây dựng mở rộng nhà xưởng thêm 2.000 m² với tổng vốn đầu tư 4,7 tỷ đồng.

Sau gần một năm xây dựng, đến năm 1993, phân xưởng bắt đầu đi vào hoạt động và cũng trong thời điểm này nhờ chính sách đầu tư, mở cửa của Đảng và Nhà Nước, lần đầu tiên Công ty được phép xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài, tạo điều kiện từng bước giữ vững và phát triển thị trường, từ chỗ đạt 1,5 triệu USD năm 1992 đã tăng lên gần 3 triệu USD năm 1993.

Năm 1994, Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thành lập với số vốn kinh doanh 14,3 tỷ đồng. Kể từ khi thành lập, tốc độ tăng trưởng liên tục tăng, từ chỗ 3 triệu USD năm 1993 đến năm 1997 giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 7,2 triệu USD.

+ Giai đoạn 2: Từ năm 1998 đến năm 2006

Do yêu cầu phát triển sản xuất và đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Năm 1999, Công ty lập dự án đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu với tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng để xây dựng 01 nhà xưởng với diện tích 1.000m² và 01 kho lạnh 200 tấn và lắp đặt một số thiết bị sản xuất các mặt hàng cao cấp như: tủ đông gió, máy phát điện, hệ thống đông IQF...Sau khi dự án hoàn thành và đưa vào sản xuất, hiệu quả đạt được vô cùng khả quan, từ chỗ 7,17 triệu USD năm 1999 vươn lên đạt 13,44 triệu USD vào năm 2000.

Mặc dù đã đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị và nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường lúc bấy giờ. Do đó, năm 2001, Công ty tiếp tục lập dự án đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực xuất khẩu với công suất 1.200 tấn sản phẩm/năm với tổng mức đầu tư 27 tỷ đồng và đưa vào sử dụng, nâng tổng giá trị xuất khẩu năm 2002 lên 15,67 triệu USD.

Năm 2003, tình hình sản xuất kinh doanh có sự thay đổi lớn về quy mô, ngày 22/11/2002 Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 120/2002/QĐ-UBND “Về việc sáp nhập Công ty Bia Đà Nẵng vào Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước” để hình thành một Công ty có tầm cỡ trong lĩnh vực chế biến xuất khẩu đồng thời cũng chuẩn bị cho việc di dời nhà máy vào khu công nghiệp. Để đảm bảo cho việc sản xuất liên tục, Công ty tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất thiết kế 6.500 tấn sản phẩm/năm với tổng mức đầu tư dự án lên đến 188 tỷ đồng và đưa vào sử dụng năm 2006. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động đã phát huy hiệu quả rõ rệt, kim ngạch xuất khẩu từ 15,67 triệu USD năm 2002 tăng lên 31,6 triệu USD vào năm 2006.

+ Giai đoạn 3: Từ năm 2007 đến nay

Năm 2007 đánh dấu một bước ngoặt lớn của Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước trong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Với sự quan tâm và hỗ trợ về mặt chính sách của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cộng với sự nỗ lực không ngừng của doanh nghiệp, sau gần 30 năm hình thành và phát triển, tính đến năm 2019, sản lượng xuất khẩu đạt 8.832 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 91,146 triệu USD, mang về doanh thu 2.123 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 65,56 tỷ đồng.

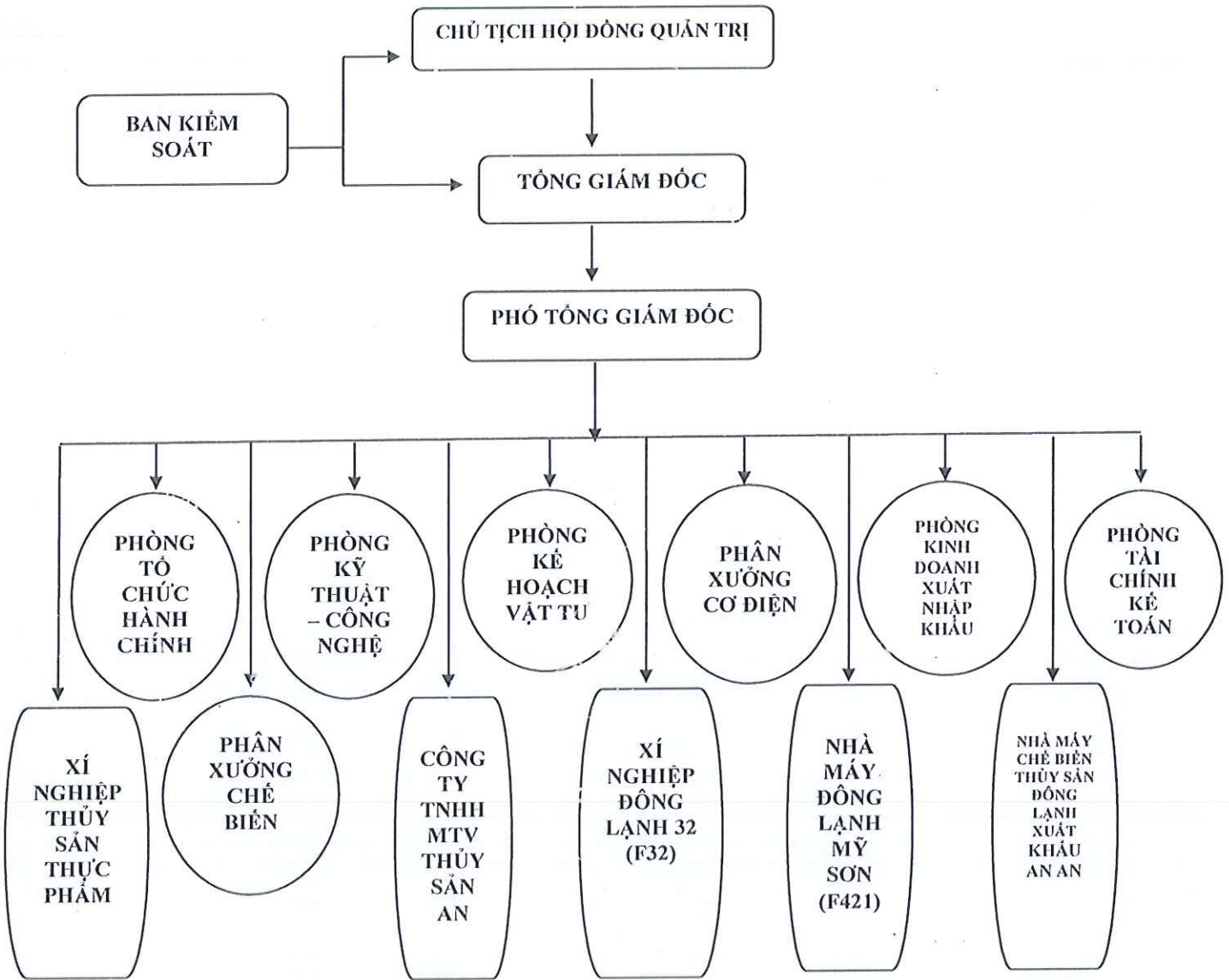
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc điều hành;

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC



Nguồn : Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh Công ty; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động, ra các nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng cổ đông đề ra.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước gồm 07 thành viên:

- ✦ Ông : Trần Văn Lĩnh - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- ✦ Bà : Nguyễn Thị Phi Anh - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.
- ✦ Ông : Trương Nguyên - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.
- ✦ Bà : Dương Thị Tuyết Hằng - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.
- ✦ Bà : Lê Thị Minh Thảo - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.
- ✦ Bà : Lê Thanh Thảo - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.
- ✦ Ông : Nguyễn Đình Tuấn - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là hai (03) người.

- ✚ Bà : Võ Thị Hà - Chức vụ : Trưởng ban kiểm soát.
- ✚ Bà : Đặng Thị Hải - Chức vụ : Thành viên BKS.
- ✚ Ông : Mai Đăng Hải - Chức vụ : Thành viên BKS.

Ban Tổng Giám đốc

Ban tổng giám đốc điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm 01 tổng giám đốc và 05 Phó tổng giám đốc.

- ✚ Bà Nguyễn Thị Phi Anh - Chức vụ : Tổng Giám đốc.
- ✚ Ông Trương Nguyên - Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Bà Dương Thị Tuyết Hằng - Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Bà : Lê Thị Minh Thảo - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Bà : Lê Thanh Thảo - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Ông : Nguyễn Đình Tuấn - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Ông : Phạm Đình Nguyên - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- ✚ Bà : Hà Thị Thu Thủy - Chức vụ : Kế toán trưởng.

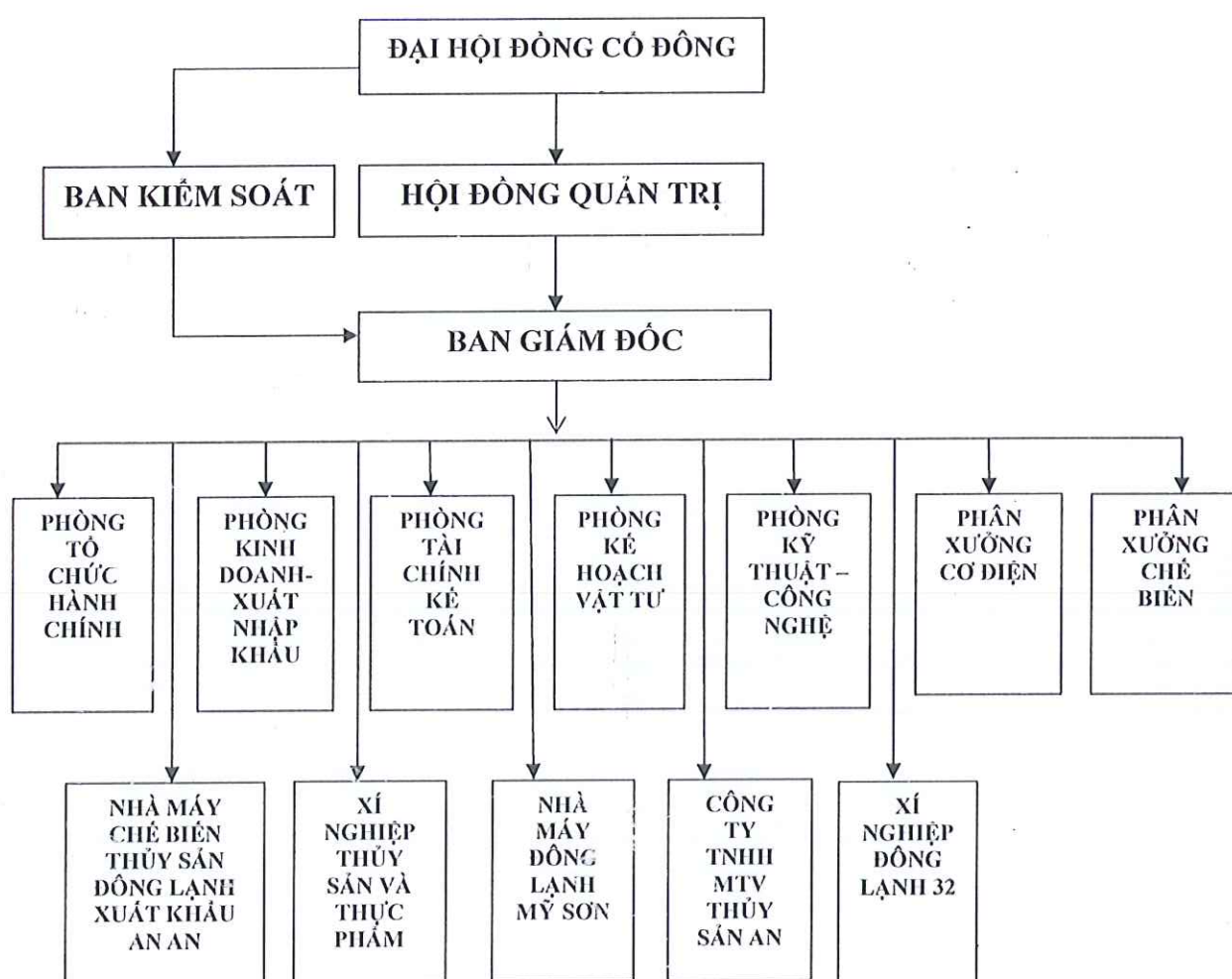
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty :

Cơ cấu bộ máy quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc Điều hành;
5. Các Phó Tổng giám đốc;
6. Các phòng ban chức năng;
7. Đơn vị trực thuộc.

**SƠ ĐỒ QUẢN LÝ BỘ MÁY CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI
THUẬN PHƯỚC**



Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện

nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Hiện nay, Tổng Giám đốc đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc: Giúp việc cho Tổng giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban

+ Phòng Tổ chức Hành chính :

Chức năng và nhiệm vụ chính: Tham mưu cho Ban giám đốc về tổ chức quản lý nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho CBCNV, về các chế độ chính sách: tiền lương, tiền thưởng, thôi việc, mất sức, hưu trí..., chăm lo đời sống cho CBCNV, công tác bảo vệ, PCCN, PCBL, An toàn vệ sinh lao động. Cụ thể:

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác tổ chức bộ máy các phòng ban và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty qua từng thời kỳ;
- Tham mưu cho Ban giám đốc về tuyển dụng lao động, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo từ cấp phòng, chuyển chuyên theo yêu cầu hoạt động của Công ty;
- Xây dựng nội quy Công ty và phổ biến đến các bộ phận, phòng ban, chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc;
- Có kế hoạch đào tạo, tái đào tạo, kế hoạch nâng lương theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;
- Phối hợp với các phòng chuyên môn xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hỗ trợ người lao động và một số quy chế đặc biệt khác...
- Xây dựng kế hoạch và sử dụng lao động, phổ biến an toàn vệ sinh lao động, PCCN, sơ cứu vết thương, ứng phó các sự cố khẩn cấp...cho CBCNV.

+ Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu :

- Tham mưu cho Ban Giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nghiên cứu và vận dụng các giải pháp hữu ích nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Ban Giám đốc.

- Xây dựng quy trình quản lý của phòng, đề ra phương hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, chiến lược tiếp thị, các kế hoạch khác và tổ chức thực hiện theo quyết định của Ban Giám đốc.

- Tổ chức mạng lưới nhà cung cấp và nhà tiêu thụ trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm của toàn Công ty, lập báo cáo định kỳ, đề xuất các giải pháp kinh tế kỹ thuật, các chính sách kinh doanh, tiếp thị hợp lý, nhằm thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật. Tham gia cùng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc xây dựng quy trình, định mức kỹ thuật, công nghệ...

- Có trách nhiệm tổng hợp những phản ánh, khiếu nại của khách hàng và thông tin cho những bộ phận có liên quan để cùng xem xét tính xác thực thông tin và phản hồi kịp thời đến khách hàng.

- Phân công nhiệm vụ, theo dõi và đánh giá nhân viên theo đúng nghiệp vụ chuyên môn của từng người.

+ Phòng Kế hoạch vật tư :

- Tham mưu cho Ban giám đốc và thực hiện công tác kế hoạch vật tư kho vận, tìm các giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng quy trình quản lý của phòng, xây dựng kế hoạch công tác hàng năm và các kế hoạch khác nhằm đáp ứng yêu cầu trong quá trình sản xuất và tổ chức thực hiện theo quyết định của Ban giám đốc.

- Tổ chức mạng lưới nhà cung cấp, tổng kết và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất theo tháng, quý, năm của toàn Công ty, lập báo cáo định kỳ, đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu vật tư nhằm thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lập các chứng từ nhập, xuất hàng hoá, xuất kho nội bộ và điều chuyển hàng hoá trong nội bộ kịp thời theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức vận hành kho đảm bảo đáp ứng đúng số lượng, chủng loại và chất lượng hàng hoá, nhập, xuất hàng hoá trong kho đúng quy trình theo quy định.

+ Phòng Tài chính – Kế toán :

- Tham mưu Ban Giám đốc trong việc tổ chức bộ máy Tài chính - Kế toán. Công tác hạch toán kế toán, quản lý, thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc;

- Tham mưu cho Ban Giám đốc các công việc liên quan đến phân phối lợi nhuận, sử dụng và phân phối quỹ các loại theo qui định của pháp luật.
- Xây dựng và trình Ban Giám đốc ban hành các quy định, chế độ, quy trình nghiệp vụ về hạch toán kế toán áp dụng tại Công ty; tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo quyết toán về kết quả hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm tài chính, các loại báo cáo khác của Công ty, của các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch tài chính và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo đầy đủ và kịp thời nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Lập và phát hành toàn bộ tài liệu nghiệp vụ kế toán, tổ chức sắp xếp, quản lý hồ sơ lưu trữ đúng quy định.
- Định kỳ phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả từng mặt công tác, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, kiểm tra các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc Công ty trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ và nhân viên theo đúng nghiệp vụ chuyên môn của từng người, theo dõi đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và nhân viên của phòng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc giao.

+ Phòng Kỹ thuật – Công nghệ :

- Tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành quy trình quản lý chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình công nghệ, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, các tiêu chuẩn quản lý và kiểm định chất lượng sản phẩm từ nguyên liệu đến thành phẩm cuối cùng, đồng thời tổ chức thực hiện tốt và không ngừng hoàn thiện toàn bộ những quy trình, quy định đã được ban hành.
- Quản lý và sử dụng phòng Thí nghiệm đạt hiệu quả cao nhất.
- Tổ chức quản lý về mặt kỹ thuật, các yếu tố trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về an toàn và chất lượng sản phẩm, cũng như các tiêu chuẩn chất lượng do Công ty ban hành.
- Phân công nhiệm vụ và theo dõi đánh giá nhân viên theo đúng nghiệp vụ chuyên môn của từng người;
- Có quyền kiểm tra và yêu cầu các Phòng, Ban, chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc Công ty phối hợp, hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ của mình; theo quy chế làm việc của Công ty.

+ Phân xưởng cơ điện :

- Tham mưu cho Ban giám đốc về quản lý và sử dụng có hiệu quả toàn bộ hệ thống máy, thiết bị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty ban hành các quy trình về quản lý và vận hành, xây dựng kế hoạch sửa chữa thường xuyên, duy tu - bảo dưỡng định kỳ toàn bộ thiết bị trong toàn Công ty.
- Tổ chức thực hiện vận hành toàn bộ thiết bị, đảm bảo cho sản xuất liên tục theo kế hoạch, đúng quy trình với hệ số sử dụng an toàn cao.
- Huấn luyện và đào tạo nghiệp vụ vận hành thiết bị cho cán bộ và công nhân của xưởng, phối hợp cùng với phòng Tổ chức Hành chính tổ chức các lớp học tập thi tay nghề, thi nâng bậc hằng năm cho công nhân.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy trình vận hành chi tiết cho từng loại thiết bị, tổ chức thực hiện việc sửa chữa đột xuất, thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị toàn Công ty.
- Phân công và theo dõi đánh giá nhân viên theo đúng nghiệp vụ chuyên môn của từng người.

+ Phân xưởng chế biến :

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban Giám đốc trong việc điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất của các phân xưởng theo kế hoạch và thực hiện nghiêm túc quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức lao động, định mức nguyên liệu - phụ liệu, vệ sinh công nghiệp và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và duy trì nội quy, quy chế, kỷ luật lao động đã ban hành.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc và tổ chức thực hiện, giám sát quy trình sản xuất, quy trình quản lý chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình công nghệ, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, các tiêu chuẩn quản lý và kiểm định chất lượng sản phẩm từ nguyên liệu đến thành phẩm cuối cùng, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các quy trình, quy định đã được ban hành trong quá trình điều hành sản xuất.
- Xây dựng và đề xuất phương án tổ chức từ tổ sản xuất đến các phân xưởng về số lượng và chất lượng lao động. Lập kế hoạch sử dụng lao động hằng năm theo quy định.
- Báo cáo theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty và các phòng - ban liên quan một cách đầy đủ, trung thực, kịp thời và chính xác.
- Huấn luyện và đào tạo nghiệp vụ chế biến cho công nhân của xưởng, phối hợp cùng với phòng Tổ chức Hành chính tổ chức các lớp học tập thi tay nghề, thi nâng bậc hằng năm cho công nhân.

- Phân công và theo dõi, đánh giá công nhân theo đúng nghiệp công việc của từng tổ, từng người;

- Trường hợp đặc biệt có quyền ngừng hoặc yêu cầu ngừng hoạt động sản xuất ở một khu vực thuộc phân xưởng nếu xét thấy máy, thiết bị không đảm bảo an toàn về kỹ thuật và an toàn lao động, đồng thời báo cáo ngay với Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng liên quan biết để khắc phục kịp thời.

- **Các đơn vị trực thuộc:**

+ **Công ty TNHH một thành viên thủy sản An :**

Chuyên chế biến và xuất khẩu thủy sản. Nhập khẩu thiết bị, máy móc, hoá chất phục vụ cho chế biến thực phẩm, thủy sản. Nhập khẩu vật tư phục vụ sản xuất và hàng hoá tiêu dùng.

+ **Xí nghiệp đông lạnh 32 :**

Chuyên sản xuất các mặt hàng xuất khẩu thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.

+ **Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn :**

Chuyên sản xuất các mặt hàng xuất khẩu thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.

+ **Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An :**

Chuyên sản xuất các mặt hàng xuất khẩu thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.

+ **Xí nghiệp thủy sản và thực phẩm :**

Sản xuất các mặt hàng thủy sản, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% Vốn trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 15/07/2019

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKSH/CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Phi Anh	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	200242800	3.290.362	45,67

	Người có liên quan : Lê Văn Cường	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	201327963	82.500	1,14
	Người có liên quan : Lê Thanh Thảo	Tổ 141, Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	201518147	341.440	4,73
	Người có liên quan : Lê Thị Minh Thảo	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	201524353	406.980	5,64
	Người có liên quan : Nguyễn Thị Phi Yến	K7/4 Pasteur- Đà Nẵng	200021110	19.000	0,26
	Người có liên quan : Võ Hồng Sơn	K7/4 Pasteur- Đà Nẵng	200021071	20.000	0,27
2	Trần Văn Lĩnh	37 Lương Hữu Khánh, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng	200022002	731.943	10,16
3	Lê Thị Minh Thảo	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	201524353	406.980	5,64
	Người có liên quan : Nguyễn Thị Phi Anh	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	200242800	3.290.362	45,67
	Người có liên quan : Lê Văn Cường	05 Lê Bình , An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	201327963	82.500	1,14
	Người có liên quan : Lê Thanh Thảo	Tổ 141, Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	201518147	341.440	4,73

(Nguồn : Sổ đăng ký người sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại
Thuận Phước chốt ngày 15/07/2019)

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKSH/CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam	0101992921	1.731.800	24,04
2	Trần Văn Lĩnh	704/2 Trần Cao Vân, Đà Nẵng	200022002	453.640	6,3

3	Nguyễn Thị Phi Anh	Tổ 25 P. An Hải Bắc, Sơn Trà , Đà Nẵng	200242800	1.601.052	22,22
4	Trương Nguyên	03 Phạm Văn Nghi-P.Thạc Gián-Q.Thanh Khê-Tp.Đà Nẵng	200118252	68.500	0,95
5	Dương Thị Tuyết Hàng	Tổ 58 Quang Thành- P. Hòa Khánh Bắc – Q.Liên Chiểu – Tp.Đà Nẵng	200848945	34.164	0,47
6	Võ Hồng Sơn	43/54 Lê Hữu Trác – P.An Hải Đông –Q.Sơn Trà – Đà Nẵng	200021071	30.000	0,42
7	Cổ đông khác	Việt Nam	-	3.284.839	45,6

(Nguồn : Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 10 năm 2014)

Công ty được thành lập từ năm 2007 nên đến thời điểm hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước đã hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông theo vốn thực góp của Công ty tại ngày 15/07/2019 được phân loại như sau :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ trên vốn thực có (%)
1	Cổ đông trong nước	390			
	Cá nhân	389	7.203.595	72.035.950	99.99%
	Tổ chức				
	Cổ phiếu quỹ	1	400	4.000	0.01%
2	Cổ đông nước ngoài				
	Cá nhân		0	0	
	Tổ chức		0	0	
	Tổng cộng	390	7.203.995	72.039.950	100%

(Nguồn : Sổ đăng ký người sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước chốt ngày 15/07/2019)

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, những công ty mà Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

5.1 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước :

Công ty mẹ : Không có

Công ty con : Công ty TNHH một thành viên thủy sản An

Địa chỉ : KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Giá trị đầu tư : 200.000.000 đồng, tỷ lệ : 100%

Ngành nghề kinh doanh : Chuyên chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản. Nhập khẩu thiết bị, máy móc, hoá chất phục vụ cho chế biến thực phẩm, thủy sản. Nhập khẩu vật tư phục vụ sản xuất và hàng hoá tiêu dùng.

5.2 Những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, công ty liên kết : Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Quá trình tăng vốn kể từ khi thành lập đến nay : Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước có 02 lần tăng vốn.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ thực góp tăng thêm (ĐVT : Đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau phát hành (ĐVT : Đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Ban đầu			36.000.000.000	Thành lập công ty CP	- Theo quy định của công ty cổ phần. - Giấy phép ĐKKD số 3203001489 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/06/2007.
Lần 1	05/2008	18.663.000.000	54.663.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 08/05/2007 - Giấy phép ĐKKD số

					3203001489 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2008 (thay đổi lần thứ 1)
Lần 2 (*)	11/2011	17.376.950.000	72.039.950.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 21/04/2009; - Quyết định số 678/QĐ-UBCK ngày 23/9/2011 của UNCK về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. - Biên lai nộp phạt hành chính của Công ty. - Giấy phép ĐKKD số 0400100432 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2011 (thay đổi lần thứ 3).

(Nguồn : Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước)

(*): Ban đầu vốn khi cổ phần hóa vốn điều lệ 36 tỷ quá ít so với điều kiện sản xuất của Công ty, tổng cộng nguồn vốn tại ngày 30/06/2007 là 202 tỷ nhưng vốn tự có chỉ được 36 tỷ (chiếm 17,8 %). Theo đó, để đảm bảo nguồn vốn tự có đủ mạnh để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu về vốn hoạt động.

7. Hoạt động kinh doanh.

7.1 Sản lượng sản phẩm Công ty qua các năm :

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chuyên sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu, trong đó mặt hàng chính của Công ty là tôm đông lạnh xuất khẩu.

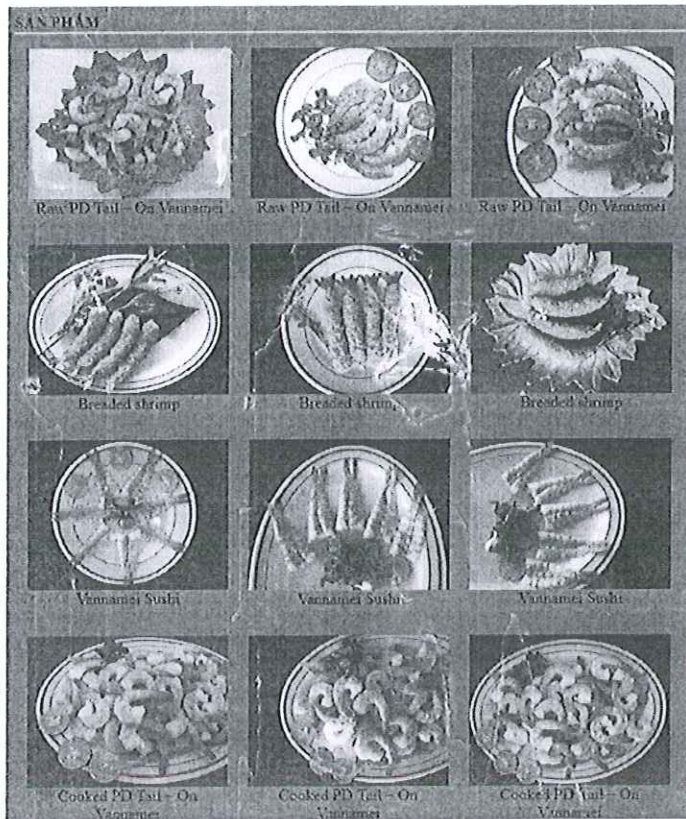
Các sản phẩm chủ lực của công ty gồm :

1. Sản phẩm ăn liền: Sushi, Kizami, Raw sushi, Cooked PD, PDTO, Ring Cooked PTO
2. Sản phẩm đã qua xử lý nhiệt, không ăn liền: PD, PUD, PTO trung

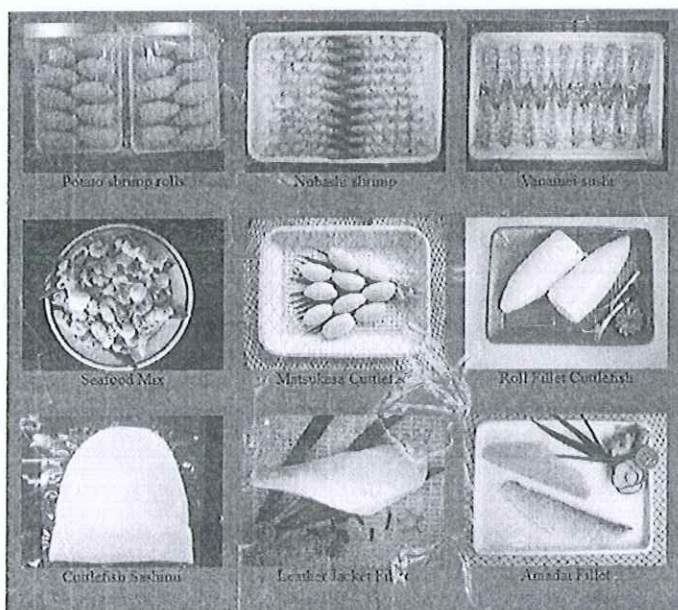
3. Sản phẩm không qua xử lý nhiệt, không ăn liền: R.PD, PDTO, HOSO, HLSO, EZP, Nobashi,

4. Sản phẩm khác: PTO tẩm bột, tôm cuốn khoai tây, EZP tẩm tỏi, Seafoodmix,...

Một số hình ảnh sản phẩm :



Một số sản phẩm đông lạnh khác như Mực nang sashimi, mực ống Phi lê, Cá bò....



a/ Cơ cấu sản lượng sản phẩm :

Mặt hàng	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Sản lượng (ĐVT : tấn)	Doanh thu thuần (ĐVT : triệu đồng)	Sản lượng (ĐVT : tấn)	Doanh thu thuần (ĐVT : triệu đồng)	Sản lượng (ĐVT : tấn)	Doanh thu thuần (ĐVT : triệu đồng)	Sản lượng (ĐVT : tấn)	Doanh thu thuần (ĐVT : triệu đồng)
Tôm	6.813	1.729.332	7.977	2.117.296	8.087	2.091.111	8.832	2.093.832
Khác	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn : Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

b/ Cơ cấu sản lượng sản phẩm và doanh thu theo thị trường :

Năm Thị trường	Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019			
	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng	Giá trị (Tr. USD)	Tỷ trọng	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng	Giá trị (Tr. USD)	Tỷ trọng	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng	Giá trị (Tr. USD)	Tỷ trọng
EU	4.233	53,07%	46,000	50%	4.154	51,37%	46,829	52%	3.671	41,56%	38,124	41,83%
JP	1.461	18,32%	17,272	19%	1.949	24,1%	20,873	23%	2.433	27,55%	25,085	27,52%
US	1.374	17,23%	16,793	18%	1.130	13,97%	12,269	13%	2.205	24,97%	22,457	26,64%
KR	734	9,20%	9,893	11%	689	8,52%	9,246	10%	289	3,27%	3,798	4,17%
OT	174	2,18%	1,384	2%	165	2,04%	1,407	2%	234	2,65%	1,682	1,84%
Total	7.977		91,342		8.087		90,624		8.832		91,146	

(Nguồn : Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Các dịch vụ đặc thù của Công ty đã tạo ra cơ cấu doanh thu, lợi nhuận và chi phí như sau :

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính : triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Doanh thu hàng hóa xuất khẩu	2.062.003	99,47%	2.067.701	97,66%	2.073.453	99,03%
2	Doanh thu hàng hóa tiêu thụ trong nước	10.145	0,49%	11.380	0,54%	20.379	0,97%
3	Doanh thu dịch vụ	904	0,04%	33	0,00%	-	-
4	Doanh thu thanh lý Bất động sản đầu tư	-	-	38.182	1,80%	-	-
Tổng cộng		2.073.052	100%	2.117.296	100%	2.093.832	100%

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của Công ty

Trong năm 2018 : Công ty đầu tư thêm máy móc, thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Trong đó có: Hệ thống dàn ngưng và chi phí lắp đặt: 3,35 tỷ đồng; Máy duỗi tôm: 2,9 tỷ đồng; băng chuyền ép tôm Nobashi 1,5 tỷ đồng ; Băng chuyền luộc: 1,1 tỷ đồng; Xe ô tô 7 chỗ: 1,4 tỷ đồng và các máy móc khác như : máy đo chiều dài tôm sushi, hệ thống lò hơi, hệ thống máy nén khí kho lạnh... Bên cạnh đó, Công ty còn mở rộng ao tôm Điền Hương khu C: 775 triệu đồng, đang xây dựng dỡ dang nhà nghỉ công nhân và kho bao bì. Tổng giá trị đầu tư tài sản cố định trong năm: 17,2 tỷ đồng.

Năm 2019 : Công ty đầu tư thêm máy móc thiết bị và XD/CB để nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong đó có : Máy đo chiều dài tôm : 1,5 tỷ đồng; Mua vùng nuôi tôm Ba Tri- Bến Tre : 10,8 tỷ đồng; Lắp đặt hệ thống PCCC : 1,3 tỷ đồng; Xây nhà nghỉ thay ca Công nhân : 5,5 tỷ đồng; Xây nhà kho chứa bao bì vật tư : 3,3 tỷ đồng; Mua xe ô tô 7 chỗ 1,4 tỷ đồng.

7.3 Hoạt động Marketing

Bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước cũng luôn quan tâm tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản

phẩm sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Công ty, qua đó sẽ thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số giải pháp như :

- ✦ Luôn giữ mối quan hệ với khách hàng truyền thống, bên cạnh đó, phòng kinh doanh luôn hướng đến việc tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng mới.
- ✦ Thông qua các bạn hàng, đối tác, thực hiện marketing trong chính quá trình bán hàng và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng hậu cung cấp dịch vụ nhằm không ngừng khẳng định và nâng cao hình ảnh của Công ty trong ngành Thủy sản Việt Nam và khu vực ...
- ✦ Ban lãnh đạo xây dựng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý tại các thời điểm khác nhau, có chính sách hoa hồng..
- ✦ Về quảng cáo: sử dụng internet như công ty xây dựng website, tăng cường quảng bá hình ảnh và sản phẩm của Công ty trên website, quảng cáo trên tạp chí ngành, In catalogue.
- ✦ Tham gia một số hội nghị, hội thảo ngành nghề, tham gia làm thành viên trên các diễn đàn ...

7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền : Không có

Biểu tượng logo Công ty :



7.5 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2019

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (USD)	Thời điểm ký kết	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ
1	001/TP-LPF	5.500.000	5/2019	Tôm thẻ đông lạnh	LP FOODS

2	001/TP- HEIPLOEG	2.000.000	4/2019	Tôm vòng	HEIPLOEG
3	001/TP- ISHIMITSU	5.000.000	1/2019	Tôm sushi, nobashi các loại	ISHIMITSU
4	001/TP- MARUBENI	6.500.000	1/2019	Tôm thẻ đông lạnh các loại	MARUBENI
5	001/TP- NISHIMOTO	4.000.000	3/2019	Tôm sushi, nobashi các loại	WISMETTAC
6	001/TP- KAGERER	2.500.000	3/2019	Tôm sushi, nobashi các loại	KAGERER

(Nguồn : Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Trong năm 2019, mặc dù tình hình phát triển kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ có sự quan tâm động viên, quản lý chặt chẽ của Ban lãnh đạo điều hành Công ty, sự nỗ lực phấn đấu tích cực của toàn thể cán bộ công nhân viên, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay đang có những bước phát triển đáng kể: duy trì ổn định chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng, đẩy mạnh khả năng kinh doanh bán hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đạt các chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm 2019/2018
Tổng giá trị tài sản	887.894.033.810	773.540.567.229	863.116.775.876	11,58%
Doanh thu thuần	2.073.052.054.106	2.117.296.008.355	2.093.832.155.564	-1,11%
Lợi nhuận từ HĐKD (*)	33.120.019.136	87.144.653.023	32.519.174.730	-62,68%
Lợi nhuận khác	-214.111.286	36.449.477.008	-104.889.276	-100,29%
Lợi nhuận trước thuế (**)	32.905.907.850	123.594.130.031	32.414.285.454	-73,77%
Lợi nhuận sau thuế (***)	27.936.124.336	101.975.659.341	27.595.902.717	-72,94%
Tỷ lệ trả cổ tức/ VDL	23%	25%	-	-

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Công ty có quyết định hồi tố một số khoản mục về chi phí bán hàng (dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thay đổi), lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất năm 2017,2018 do trong năm phát sinh khoản chi phí về chống bán phá giá liên quan đến năm 2017 và 2018 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. Nội dung này được chú thích rõ tại Mục 13.

8.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2019

Thuận lợi :

- ✓ Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước có bề dày kinh nghiệm gần 30 năm hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy sản, là một thương hiệu uy tín được đánh giá cao bởi khách hàng. Công ty vẫn luôn chú trọng trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm với phương châm lấy chữ tín làm đầu.
- ✓ Nhà máy được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ với kết cấu nhà xưởng.
- ✓ Đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm: có đội ngũ quản lý chất lượng được đào tạo chuyên ngành, có các giấy chứng nhận HACCP, BRC, ISO, IFS, ACC,...do các tổ chức Quốc tế chứng nhận.
- ✓ Cơ cấu sản phẩm có tính cạnh tranh cao với các sản phẩm được chế biến có giá trị gia tăng đưa thẳng vào siêu thị Châu Âu, Nhật Bản...
- ✓ Mặt hàng gia công quốc tế ổn định.
- ✓ Bộ máy quản lý của Công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, có nhiều năm kinh nghiệm trên thương trường quốc tế nên đã điều hành hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.

Khó khăn :

- ✓ Nhìn chung, năm 2019 thị trường tiêu thụ tôm gặp nhiều khó khăn, những tháng đầu năm đơn hàng không nhiều do cạnh tranh về giá, thị trường nguyên liệu không ổn định, lúc nguồn nguyên liệu dồi dào thì giá bán giảm, lúc khan hiếm thì giá bán tăng.
- ✓ Sức tiêu thụ của thị trường giảm nhất là các mặt hàng thực phẩm có giá trị cao như tôm bị ảnh hưởng bởi tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.
- ✓ Thị trường Châu Âu đang rút thẻ vàng đối với Thủy sản Việt Nam;
- ✓ Thị trường Mỹ, đến tháng 3/2018 Bộ Thương mại Hoa Kỳ mới thông báo mức thuế chống bán phá giá sơ bộ cho tôm Việt Nam lần thứ 12 (2016-2017) là 25,39% và đến tháng 9/2018 mức thuế mới công bố giảm còn 4,58% trong khi có doanh nghiệp áp thuế 0%.
- ✓ Thu hút lao động thì cạnh tranh gay gắt và rất khó tuyển dụng....

9 Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước là một trong những doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản lớn, có uy tín nhất tại Việt Nam. Công ty được thành lập tháng 6 năm 1987 nên có bề dày truyền thống và kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản. Công ty hiện có gần 2.000 cán bộ, công nhân, hoạt động trong lĩnh vực chế biến hải sản xuất khẩu. Với những bước đi thích hợp, năng động, nhạy bén trong sản xuất kinh doanh, cùng sự nỗ lực của cán bộ, công nhân, công ty đã đạt thành quả đáng ghi nhận. Công ty được ghi nhận là 1 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2018, Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng dương và nằm trong Top 5 doanh nghiệp dẫn đầu về xuất khẩu tôm của Việt Nam. Năm 2018 cũng là năm công ty đứng trong top 10 công ty thực phẩm uy tín, nhóm ngành thực phẩm tươi sống, đông lạnh theo đánh giá của Vietnam Report.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành trong năm 2020

Năm 2019, cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới đã khiến giá thủy sản xuất khẩu Việt Nam luôn ở mức thấp, kéo theo giá trị xuất khẩu không đạt kỳ vọng đã đề ra. Theo như thống kê thì xuất khẩu thủy sản chỉ đạt xấp xỉ 9 tỷ USD trong năm 2019. Như vậy không đạt so với kế hoạch đặt ra của cả năm là 10,5 tỷ USD. Thêm vào đó, đầu năm 2019, ngành nhận định sẽ tận dụng được lợi thế một số hiệp định thương mại song thực tế lại không có. Đơn cử là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), theo như dự kiến ban đầu 2019 có thể vận dụng được lợi thế về mặt thuế quan nhưng đến nay vẫn chưa thực thi mặc dù đã hoàn tất ký kết. Hy vọng việc này sẽ diễn ra tốt hơn vào năm 2020. Ngoài ra, những yếu tố khách quan khác cũng làm xuất khẩu sụt giảm. Có thể kể tới như vấn đề về chống bán phá giá ở thị

trường Hoa Kỳ, hay châu Âu gia tăng bảo hộ thương mại... Những rào cản này khiến tiêu thụ thủy sản giảm sút và kéo theo doanh thu của toàn ngành giảm.

Năm 2020, mục tiêu xuất khẩu thủy sản do Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) đề xuất là 10 tỷ USD. Dù chỉ tăng khoảng 1 tỷ USD so với năm 2019 nhưng đây cũng là một cố gắng lớn với ngành thủy sản. Trong tổng xuất khẩu 10 tỷ USD, VASEP có đề ra mục tiêu riêng cho từng thị trường, chẳng hạn EU khoảng 2 tỷ USD (so với mức 1,5 tỷ USD năm 2019), Trung Quốc khoảng 1,5 tỷ USD, Hàn Quốc khoảng xấp xỉ 1 tỷ USD.²

Dự báo tăng trưởng kinh tế ngành thủy sản năm 2020 sẽ tăng trưởng trên 7% so với năm 2019 (sai số dự báo $\pm 5\%$). Với mức tăng trưởng này đến năm 2020 sẽ không đạt mục tiêu Chiến lược thủy sản đề ra đến năm 2020 thủy sản chiếm 30-35% GDP trong khối nông, lâm, thủy sản.³



Biểu đồ xuất khẩu thủy sản Việt Nam giai đoạn 2005 – 2019 và dự báo 2020

Nguồn : Tính toán dựa vào số liệu của VASEP, 2019.

Dự báo xuất khẩu tôm Việt Nam thuận lợi hơn trong năm 2020⁴

Năm 2019, xuất khẩu tôm của Việt Nam đạt 3,36 tỷ USD, giảm 5,4% so với năm 2018. Mặc dù không đạt kết quả khả quan như kỳ vọng nhưng xuất khẩu tôm Việt Nam sang các thị trường nhập khẩu chính cũng cho thấy những tín hiệu tích cực trong năm 2020. Năm 2019, xuất khẩu tôm chân trắng giảm 3,4% đạt 2,4 tỷ USD, chiếm 70,1% giá trị tôm xuất khẩu, tôm sú giảm mạnh 15,9% đạt trên 687 triệu USD, chiếm 20,4%, các sản phẩm tôm biển và tôm

² <https://congthuong.vn/nam-2020-4-giai-phap-lon-cua-nganh-thuy-san-130480.html>

³ <http://vietp.com.vn/5/vi-VN/toan-canh-kinh-te-thuy-san-nam-2019-va-gu-bao-nam-2020.aspx>

⁴ http://vasep.com.vn/Tin-Tuc/1203_58979/Du-bao-xuat-khau-tom-Viet-Nam-thuan-loi-hon-trong-nam-2020.htm

khác đạt 317,6 triệu USD, chiếm gần 9,4%. Nửa cuối năm 2019, xuất khẩu tôm hồi phục dần nhờ giá tôm nguyên liệu và xuất khẩu tăng.

EU :

EU là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 20,5% trong tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam. Năm 2019, xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường EU đạt 689,8 triệu USD, giảm 17,7% so với năm 2018. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU năm 2019 sụt giảm so với năm 2018 tuy nhiên Hiệp định EVFTA dự kiến có hiệu lực năm 2020 có thể tạo kỳ vọng cho xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020. Theo EVFTA, thuế nhập khẩu hầu hết tôm nguyên liệu (tươi, đông lạnh, ướp lạnh) nhập khẩu vào EU sẽ được giảm từ mức thuế cơ bản 12-20% xuống 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực, thuế nhập khẩu tôm chế biến sẽ về 0% sau 7 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

Mỹ :

Mỹ đứng thứ 2 về nhập khẩu tôm Việt Nam, chiếm tỷ trọng 19,4%. Năm 2019, xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 653,9 triệu USD, tăng 2,5% so với năm 2018. Từ đầu năm 2019, mặc dù tăng trưởng không cao nhưng xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ duy trì được giá trị xuất khẩu ổn định so với năm 2018. Nhu cầu nhập khẩu tôm của Mỹ từ Việt Nam giai đoạn cuối năm 2019 tích cực hơn nhờ Mỹ có xu hướng giảm nhập khẩu từ Ấn Độ, Thái Lan và giảm mạnh nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong tháng 8/2019, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính lần thứ 13 (POR 13) về thuế chống bán phá giá tôm Việt Nam vào Mỹ với 31 doanh nghiệp được hưởng mức thuế 0%. Thông tin này giúp tạo thêm động lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ. Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung khiến Mỹ tăng thuế 25% đối với 250 tỷ hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc trong đó có sản phẩm tôm. Xuất khẩu tôm của Trung Quốc sang Mỹ càng thêm khó khăn, tạo cơ hội cho các nguồn cung đối thủ của Trung Quốc trên thị trường Mỹ trong đó có Việt Nam. Mặt hàng tôm bao bột từ Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ cạnh tranh tốt hơn với Trung Quốc trên thị trường Mỹ. 10 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu tôm bao bột từ Việt Nam sang Mỹ đạt 9.045 tấn, trị giá 64,9 triệu USD, tăng 52% về khối lượng và 49% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Xuất khẩu tôm bao bột từ Trung Quốc sang Mỹ đạt 16.113 tấn, trị giá 85,3 triệu USD, giảm 31% về khối lượng và giảm 38% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018.

Nhật Bản :

Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Nhật Bản năm 2019 đạt trên 618,6 triệu USD, giảm 3,3% so với năm 2018. Trong cơ cấu tôm xuất khẩu sang Nhật Bản, tôm chân trắng chiếm 58%, tôm sú 23,4% và tôm biển 18,7%. Thế vận hội Olympics Tokyo 2020 sẽ thúc đẩy tiêu dùng thủy sản trên thị trường Nhật Bản, đặc biệt là tôm nên nhu cầu tiêu thụ tôm dự kiến tăng, tạo cơ hội cho các nhà xuất khẩu tôm trên thế giới.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Xét về năng lực của Doanh nghiệp, Công ty có đủ các điều kiện về quản trị, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với sản phẩm của các công ty cùng ngành hàng đầu trong nước; và đáp ứng đủ tiêu chuẩn để duy trì ổn định nguồn khách hàng nước ngoài. Hiện tại, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu với khoảng hơn 90% tổng sản lượng hàng năm trên thị trường quốc tế cao hơn thị trường nội địa.

Với những lợi thế sẵn có và định hướng kinh doanh mở rộng, Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước dự kiến sẽ tận dụng triệt để những lợi thế mà xu hướng phát triển và chính sách của Nhà Nước Việt Nam cũng như thị trường thế giới đối với ngành thủy sản mang lại.

10. Chính sách đối với người lao động

Tính đến 31/12/2019 tổng số lao động của Công ty là 1.730 người, trong đó có 1.040 nữ và 690 nam. Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau :

Phân loại lao động	Tại ngày 31/12/2019	
	Số lượng	Tỷ lệ(%)
I. Theo trình Độ Lao động	1.730	100
1. Trình độ Đại học và trên Đại Học	119	6,88
2. Trình độ cao đẳng	128	7,40
3. Trình độ trung cấp	67	3,87
4. Lao động khác (PTTH + THCS)	1.416	81,85
II. Theo tính chất của hợp đồng lao động	1.730	100
1. Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	75	4,33
2. Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	492	28,44
3. Hợp đồng không xác định thời hạn	1.163	67,23

Nguồn : Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động... được quan tâm thực hiện tốt.

+ *Chính sách tuyển dụng, đào tạo :*

Quy trình tuyển dụng lao động căn cứ từ nhu cầu của các bộ phận, Giám đốc phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên bộ phận Tổ chức Hành chính tổng hợp và tuyển dụng.

Về đào tạo : nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động, hằng năm, Công ty đều tổ chức đào tạo, tái đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài khi có yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của Ban giám đốc. Công ty rất coi trọng chính sách thăng tiến nội bộ, kính phí đào tạo được cung cấp theo yêu cầu đào tạo hằng năm.

- Chế độ làm việc :

Người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước đều có hợp đồng lao động theo luật lao động, được hưởng mọi quyền lợi về chế độ, chính sách theo qui định hiện hành của nhà nước.

Công ty thực hiện chế độ giờ giấc làm việc theo đúng Luật lao động, trường hợp nguyên liệu nhiều nhất là khi vào vụ sắp xếp người lao động làm việc và bố trí nghỉ bù vào những ngày khác.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi :

Công ty trả lương trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng trả lương của các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty trả lương theo cơ chế khoán sản phẩm và theo sản lượng sản phẩm làm ra.

Hằng năm, căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức xét bình bầu, theo tiêu chí ngày công, năng suất, hiệu quả. . . để thưởng cho CBCNV.

Chế độ phúc lợi : Nhằm đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài tại Công ty, Công ty đã đầu tư xây dựng một khu ký túc xá cho Công nhân, xây dựng một nhà ăn tập thể và cơm ca miễn phí.

11. Chính sách cổ tức

Cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ vào kế hoạch chi trả cổ tức đã được Đại hội cổ đông thường niên Công ty thông qua, Công ty tiến hành chi trả cổ tức theo đúng định kỳ, cụ thể : năm 2017, tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông là 23%/năm, 2018 tỷ lệ trả cổ tức 25%/năm.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có thông báo tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền: 18/02/2020, ngày chi trả dự kiến : 28/02/2020.

12. Tình hình tài chính :

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản :

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty tính đến 31/12/2019 là : 72.039.950.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu của Công ty tính đến 31/12/2019 là 243.221.212.388 đồng.

Kể từ lúc hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chủ yếu xoay vòng vốn kinh doanh (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để mua sắm, đầu tư thiết bị, và tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên tắc hạch toán tài sản cố định : theo nguyên tắc giá gốc (nguyên giá).

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-13
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 -6

(Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ Công nhân viên Thủy sản và thương mại Thuận Phước năm 2019 (tiền lương và tiền thưởng): 9.053.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập chung tốt so với một số doanh nghiệp cùng ngành trong cùng địa bàn.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2017, năm 2018 và năm 2019, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn hoàn thành các khoản nộp đúng qui định và không nợ bất kỳ các nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước. Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cụ thể như sau:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	13.607.650	-	1.135.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.961.220.914	11.294.763.315	9.800.995.272
Thuế thu nhập cá nhân	131.181.512	82.888.049	53.410.455
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-
Cộng	5.106.010.076	11.377.651.364	9.855.540.834

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Công ty có quyết định hồi tố khoản mục thuế giá trị gia tăng của BTC hợp nhất năm 2017,2018 do trong năm phát sinh khoản chi phí về chống bán phá giá liên quan đến năm 2017 và 2018 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. Nội dung này được chú thích rõ tại Mục 13.

Trích lập các Quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ thể hiện tại báo cáo tài chính các giai đoạn như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Các quỹ	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1.	Quỹ đầu tư phát triển	19.777.269.566	27.043.748.341	77.226.961.833
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.003.480.410	16.833.728.425	19.833.728.425
	Cộng	35.780.749.976	43.877.476.766	97.060.690.258

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Tổng dư nợ vay:

Tình hình các khoản vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	621.680.529.597	398.150.090.309	463.564.738.042
1.1 Vay ngắn hạn	615.085.905.597	392.825.466.309	460.310.114.042
<i>Vay ngoại tệ</i>			
+ Ngân hàng TMCP Ngoại	348.440.850.442	256.730.478.046	328.190.630.796

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
thương			
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	14.777.750.000	-	
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương	58.896.633.049	56.265.661.505	65.664.446.586
+ Ngân hàng TMCP Công thương	132.370.490.670	16.688.078.294	66.455.036.660
Vay nội tệ			
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	52.800.181.436	63.141.248.464	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương	7.800.000.000	-	-
1.2 Nợ dài hạn đến hạn trả	6.594.624.000	5.324.624.000	3.254.624.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	4.794.624.000	4.034.624.000	3.254.624.000
+ Quỹ môi trường	1.800.000.000	1.290.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.597.744.296	16.273.120.296	33.451.419.746
2.1 Vay dài hạn	28.192.368.296	21.597.744.296	33.451.419.746
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	25.102.368.296	20.307.744.296	13.018.496.296
+ Ngân hàng TMCP Công thương			20.432.923.450
+ Quỹ môi trường	3.090.000.000	1.290.000.000	-
Trong đó : Vay DH đến hạn trả trong vòng 01 năm	6.594.624.000	5.324.624.000	3.254.624.000

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương theo hợp đồng số 115/2017/VCB-KHDN ngày 05/10/2017, theo đó thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay: lãi suất cố định là 8,6%/năm, cố định trong thời hạn 02 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản giải ngân trong thời gian từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực đến ngày 31/3/2018 sẽ cùng áp dụng theo mức lãi suất cố định tại thời điểm giải ngân đầu tiên. Các khoản giải ngân sau ngày 31/3/2018 và các khoản dư nợ sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định, lãi suất cho vay là lãi suất theo thông báo của bên cho vay trong từng thời kỳ và được điều chỉnh 1 quý/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất là ngày 26 của tháng cuối quý. Mục đích vay để bổ sung vốn trả tiền thuê đất 53.478,4 m² đất tại lô B2-1 và B2-2 KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay

là nhà máy chế biến thủy sản, thực phẩm đđường lạnh xuất khẩu theo giấy chứng nhận số CC999486 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/07/2016 và quyền sử dụng đất tại lô B2-1, B2-2 KCN.

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVDADT/NHCT480-THUANPHUOC ngày 01/10/2019, theo đó thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án "Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An". Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 02 lô đất tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích là 22.947,6 m² và tài sản trên đất hình thành từ dự án "Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An".

Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Các khoản phải thu ngắn hạn	219.764.214.791	212.001.989.117	325.575.646.774
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	212.503.309.916	194.102.231.991	231.940.482.400
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.414.559.877	11.731.350.946	86.790.378.096
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.910.389.598	6.232.450.780	6.908.830.878
Dự phòng phải thu NH khó đòi	(64.044.600)	(64.044.600)	(64.044.600)

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017,2018, 2019 của Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Các khoản phải trả

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn (*)	708.356.135.169	518.033.149.762	586.444.143.742
Phải trả người bán ngắn hạn	27.886.132.734	47.283.528.326	44.735.640.680
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.504.572.240	2.537.750.790	2.628.695.357
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước (**)	5.106.010.076	11.377.651.364	9.855.540.834
Phải trả người lao động	30.193.894.270	35.718.465.799	41.099.093.724
Chi phí phải trả ngắn hạn (***)	3.871.111.113	5.580.729.997	4.409.183.606
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.110.404.729	551.204.752	317.523.074
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	621.680.529.597	398.150.090.309	463.564.738.042
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.003.480.410	16.833.728.425	19.833.728.425
Nợ dài hạn	21.597.744.296	16.273.120.296	33.451.419.746
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.597.744.296	16.273.120.296	33.451.419.746
----------------------------------	----------------	----------------	----------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

Công ty có quyết định hồi tố một khoản mục về thuế và các khoản phải nộp nhà nước, chi phí phải trả ngắn hạn (dẫn đến nợ ngắn hạn thay đổi) của BCTC hợp nhất năm 2017,2018 do trong năm phát sinh khoản chi phí về chống bán phá giá liên quan đến năm 2017 và 2018 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. Nội dung này được chú thích rõ tại Mục 13.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ / Nợ ngắn hạn	lần	0,95	1,18	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh : (TSLĐ - Hàng TK) / Nợ ngắn hạn	lần	0,34	0,61	0,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	lần	0,82	0,69	0,72
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	4,62	2,23	2,55
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn HB / Hàng TK bình quân	vòng	5,84	5,29	6,89
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	233,48%	273,71%	242,59%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	1,35%	4,82%	1,32%
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	%	18,48%	51,35%	11,44%
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản BQ (ROA)	%	3,36%	12,28%	3,37%
+ Hệ số LN từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	1,60%	4,12%	1,55%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng	3.307	13.379	3.435

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

13 Một số lưu ý khác

13.1 Điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018,2019

✚ Trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 :

Số liệu trong báo cáo tài chính công ty mẹ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC. Tuy nhiên, trong năm 2018 phát sinh khoản chi phí về chống bán phá giá liên quan đến năm 2017. Vì vậy Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2017. Cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2017 VND	Số liệu tại ngày 01/01/2018 (Đã hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.105.646.522	1.799.687.925	(3.305.958.597)	(2)
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.871.111.113	25.910.835.092	22.039.723.979	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.947.995.290	9.214.229.908	(18.733.765.382)	(3)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-		
- LNST chưa phân phối kỳ này	27.947.995.290	9.214.229.908	(18.733.765.382)	

Kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu năm 2017 VND	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Chi phí bán hàng	58.223.929.429	80.263.653.408	22.039.723.979	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.917.778.804	10.878.054.825	(22.039.723.979)	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.969.783.514	1.663.824.917	(3.305.958.597)	(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.947.995.290	9.214.229.908	(18.733.765.382)	(3)

Lưu chuyển tiền tệ	Số liệu năm 2017 VND	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố) VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	32.917.778.804	10.878.054.825	(22.039.723.979)	(3)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(29.062.704.731)	(7.022.980.752)	22.039.723.979	(1)

(1) Công ty thực hiện điều chỉnh tăng một khoản chi phí truy thu thuế chống bán phá giá tại thị trường Mỹ theo thông báo của cơ quan Mỹ gửi cho Công ty vào tháng 9 năm 2018. Theo đó số chi phí thuế chống bán phá giá bị truy thu của năm 2017 là: 943.077,62 USD tương đương 22.039.723.979 đồng. Công ty điều chỉnh tăng chi phí bán hàng năm 2017 với số tiền trên, làm cho chỉ tiêu “ Chi phí phải trả ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “ Chi phí bán hàng” trên Bảng Kết quả kinh doanh và chỉ tiêu “ Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)” trên Lưu chuyển tiền tệ của năm 2017 tăng lên một lượng là 22.039.723.979 đồng.

(2) Do ảnh hưởng của điều chỉnh trên làm cho chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp của năm 2017 giảm xuống một lượng là 3.305.958.597 đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu “ Thuế và

các khoản phải nộp Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2017 giảm đi một lượng tương ứng.

(3) Các điều chỉnh trên làm cho cho chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” lũy kế đến cuối kỳ trước giảm đi số tiền 18.733.765.382 đồng

⚡ Trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 :

Công ty quyết định hồi tố một số khoản mục của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và năm 2018 do trong năm phát sinh khoản chi phí về chống bán phá giá liên quan đến năm 2017 và 2018. Cụ thể như sau:

Năm 2017:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2017	Số liệu tại ngày 01/01/2018 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.051.479	5.106.010.076	3.305.958.597
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.910.835.092	3.871.111.113	(22.039.723.979)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.253.704.729	27.987.470.111	18.733.765.382
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	51.345.775	51.345.775	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	9.202.358.954	27.936.124.336	18.733.765.382

Kết quả kinh doanh	Số liệu năm 2017	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Chi phí bán hàng	80.262.325.805	58.222.601.826	(22.039.723.979)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.866.183.871	32.905.907.850	22.039.723.979
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.663.824.917	4.969.783.514	3.305.958.597
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.202.358.954	27.936.124.336	18.733.765.382

Lưu chuyển tiền tệ	Số liệu năm 2017	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	10.866.183.871	32.905.907.850	22.039.723.979
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(7.023.330.234)	(29.063.054.213)	(22.039.723.979)

Năm 2018:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2018	Số liệu tại ngày 01/01/2019 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.395.038.829	11.377.651.364	4.982.612.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	38.798.146.897	5.580.729.997	(33.217.416.900)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	73.780.329.797	102.015.134.162	28.234.804.365
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	(18.694.290.561)	39.474.821	18.733.765.382
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	92.474.620.358	101.975.659.341	9.501.038.983
Kết quả kinh doanh	Số liệu năm 2018	Số liệu năm 2018 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Chi phí bán hàng	75.549.901.082	64.372.208.161	(11.177.692.921)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.416.437.110	123.594.130.031	11.177.692.921
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.941.816.752	21.618.470.690	1.676.653.933
Lợi nhuận sau thuế TNDN	92.474.620.353	101.975.659.341	9.501.038.983
Lưu chuyển tiền tệ	Số liệu năm 2018	Số liệu năm 2018 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	112.416.437.110	123.594.130.031	11.177.692.921
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	37.487.615.652	26.309.922.731	(11.177.692.921)

Năm 2018 Công ty nhận được thông báo truy thu thuế chống bán phá giá của Chính phủ Mỹ cho các lô hàng của các năm 2017 và 2018 với tổng số tiền là 1.421.370 USD (tương đương 33.217.11.900 đồng – trong đó năm 2017 là 22.039.727.979 đồng; năm 2018 là 11.177.387.921 đồng). Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số chi phí năm 2017 trong Báo cáo tài chính năm 2018 và trích trước khoản chi phí năm 2018, khoản chi phí này đang theo dõi trên TK335 “Chi phí phải trả” là 33.217.11.900 đồng. Tháng 4/2019, Công ty nhận được thông báo của Chính phủ Mỹ không phải nộp thuế chống bán phá giá cho các lô hàng của các năm 2017 và 2018.

Việc điều chỉnh hồi tố khoản chi phí này về đúng kỳ làm giảm chi phí bán hàng năm 2017 và 2018 số tiền tương ứng là 22.039.727.979 đồng và 11.177.387.921 đồng, đồng thời làm cho chỉ tiêu “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán giảm đi số tiền tương ứng.

Việc hồi tố chỉ tiêu **Chi phí phải trả ngắn hạn** và chỉ tiêu **Thuế và các khoản phải nộp ngân sách** trong năm 2017, 2018 đã làm giảm chỉ tiêu Nợ ngắn hạn, làm tăng lợi nhuận thuần trong năm 2017, 2018 sau hồi tố như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2017 (Chênh lệch sau hồi tố)	2018 (Chênh lệch sau hồi tố)
Bảng cân đối kế toán (Nợ ngắn hạn giảm)		
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (1)	3.305.958.597	4.982.612.535
Chi phí phải trả ngắn hạn (2)	(22.039.723.979)	(33.217.416.900)
Nợ ngắn hạn (3) = (1) + (2)	(18.733.765.382)	(28.234.804.365)
Trên Báo cáo kết quả kinh doanh (Chi phí bán hàng giảm làm lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng)		
Chi phí bán hàng	(22.039.723.979)	(11.177.692.921)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.039.723.979	11.177.692.921

Số liệu đã hồi tố năm 2017, 2018 cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2017	Số liệu tại ngày 01/01/2018 (đã hồi tố)	Chênh lệch	Số liệu tại ngày 31/12/2018	Số liệu tại 01/01/2019 (đã hồi tố)	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán						
Nợ ngắn hạn	727.089.900.551	708.356.135.169	(18.733.765.382)	546.267.954.127	518.033.149.762	(28.234.804.365)
Trên Báo cáo kết quả kinh doanh						
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	11.080.295.157	33.120.019.136	22.039.723.979	75.966.960.102	87.144.653.023	11.177.692.921

13.2 Về tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán năm 2011 :

- Tổng số vốn huy động tăng thêm trong đợt chào bán : 17.376.950.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn : Xây dựng nhà máy F32 và kho lạnh 500 tấn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tình hình sử dụng vốn cụ thể như sau :

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
1	Năm 2010 xây dựng nhà máy F32	6.670.707.504	
2	Năm 2011 Mở rộng nhà máy F32	3.338.315.600	
3	Năm 2011 xây dựng kho lạnh 500 tấn	7.367.926.896	Ngày 16/12/2011 đã sử dụng hết vốn tăng thêm
	Tổng Cộng	17.376.950.000	

13.3 Về nguồn Vốn khác của chủ sở hữu được sử dụng làm nguồn để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu :

Đây là nguồn vốn được kết chuyển từ quỹ đầu tư phát triển qua các năm. Cụ thể số chi tiết tài khoản 4118, như sau :

Ngày CT	Diễn giải	TK Đối ứng	PS có	Dư có
31/12/2009	Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	414	4.249.796.467	4.249.796.467
31/12/2010	Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	414	11.024.657.708	15.274.454.175
30/06/2012	Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	414	9.465.782.754	24.740.236.929
31/03/2013	Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	414	3.289.099.189	28.029.336.118
31/03/2014	Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	414	4.779.273.705	32.808.609.823
	Tổng phát sinh		32.808.609.823	
	Dư cuối kỳ			32.808.609.823

Công ty cam kết có đủ nguồn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và khoản 2 Điều 33 Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

14 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

14.1 Hội đồng Quản trị

- i. Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Trần Văn Lĩnh
- ii. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị: Bà Nguyễn Thị Phi Anh
- iii. Ủy viên Hội đồng quản trị Ông Trương Nguyên
- iv. Ủy viên Hội đồng quản trị Bà Dương Thị Tuyết Hằng
- v. Ủy viên Hội đồng quản trị Bà Lê Thị Minh Thảo
- vi. Ủy viên Hội đồng quản trị Bà Lê Thanh Thảo
- vii. Ủy viên Hội đồng quản trị Ông Nguyễn Đình Tuấn

13.2 Ban Kiểm soát

- i. Trưởng Ban kiểm soát : Bà Võ Thị Hà
- ii. Thành viên Ban kiểm soát : Ông Mai Đăng Hải

iii. Thành viên Ban kiểm soát : Bà Đặng Thị Hải

13.3 Ban Tổng Giám đốc

- i. Tổng Giám đốc: Bà Nguyễn Thị Phi Anh
- ii. Phó Tổng Giám đốc: Ông Trương Nguyên
- iii. Phó Tổng Giám đốc : Bà Dương Thị Tuyết Hằng
- iv. Phó Tổng Giám đốc : Bà Lê Thị Minh Thảo
- v. Phó Tổng Giám đốc : Bà Lê Thanh Thảo
- vi. Phó Tổng Giám đốc : Ông Nguyễn Đình Tuấn
- vii. Phó Tổng Giám đốc : Ông Phạm Đình Nguyên

13.4 Kế toán trưởng

- i. Kế toán trưởng Bà Hà Thị Thu Thủy

13.5 Lý lịch cá nhân các thành viên Ban lãnh đạo

✦ Ông Trần Văn Lĩnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Họ và tên : Trần Văn Lĩnh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 01/03/1954.
4. Nơi sinh : P.Xuân Hà, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 37 Lương Hữu Khánh, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
7. Chứng minh thư nhân dân số: 200022002 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 05/12/2007
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật/ Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch hiệp hội nghề cá Thành phố Đà Nẵng.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1972 đến năm 1975 :	Sinh viên, học quản trị kinh doanh tại trường Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.	
- Từ năm 1975 đến năm 1977	Quận Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Quận I, Sài Gòn.	Cán bộ chuyên trách
Từ năm 1977 đến năm 1981	Sinh viên, học ngành kinh tế tại Trường Đại học Bách khoa, Đà Nẵng.	
Từ năm 1981 đến năm 1985	Làm việc tại văn phòng UBND Thành phố Đà Nẵng.	Chuyên viên kinh tế
Từ năm 1985 đến năm 1987	Xí nghiệp chế biến Thủy sản Đà Nẵng	Phó giám đốc
Từ năm 1987 đến năm 1998	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước Đà Nẵng.	Giám đốc
Từ năm 1998 đến năm 2002	Công ty Bia Đà Nẵng.	Giám đốc
Từ năm 2002 đến năm 2007	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ năm 2007 đến năm 2009	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Từ năm 2009 đến T2/2013	Hiệp hội Chế biến Thủy sản Việt Nam (VASEP). Hội nghề Cá Thành phố Đà Nẵng. Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Chủ tịch Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Từ tháng 3/2013 đến nay	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Hội nghề Cá Thành phố Đà Nẵng.	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 731.943 cổ phần, chiếm 10,16% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện : không có.

- Sở hữu của người có liên quan : không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Không có.

✚ **Bà Nguyễn Thị Phi Anh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Phi Anh**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 05/09/1959

4. Nơi sinh: Hà Nội.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 05 Lê Bình, P.An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 200242800 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 16/04/2013

8. Điện thoại liên hệ: 0915401212

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư chế biến thủy sản / Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Phó Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn trực thuộc công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1985 - 1986	Phân xưởng Chế biến, phụ trách kỹ thuật Công ty khai thác và Chế biến Thủy sản xuất khẩu Đà Nẵng	Phó Quản đốc
Từ 1986 - 1987	Phân xưởng Chế biến – Xí nghiệp đông lạnh	Phó Quản đốc

	14	
Từ 1987 - 1993	Xí nghiệp đông lạnh 32	Quản đốc
Từ 1993 - 1995	Xí nghiệp đông lạnh 32	Phó Giám đốc
Từ 1995 - 1998	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Giám đốc
Từ 1998 - 2002	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 2003 - 2007	Xí nghiệp đông lạnh 32 - Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 2007 – 02/2013	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn – trực thuộc Công ty cổ phần thủy sản và thương mại thuận phước	Phó chủ tịch HĐQT /Phó Tổng giám đốc. Giám đốc
Từ 03/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn – trực thuộc Công ty cổ phần thủy sản và thương mại thuận phước	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 3.290.362 cổ phần, chiếm 45,67% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Lê Văn Cường	Chồng	82.500	1,14
2	Lê Thanh Thảo	Con ruột	341.440	4,73
3	Lê Thị Minh Thảo	Con ruột	406.980	5,64
4	Nguyễn Thị Phi Yến	Chị ruột	19.000	0,26
5	Võ Hồng Sơn	Anh rể	20.000	0,277

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao Thành viên HĐQT : 8.000.000đồng/tháng

Bà Dương Thị Tuyết Hằng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: **Dương Thị Tuyết Hằng**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 13/02/1968.

4. Nơi sinh: Hà Nam.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 09 Lê Doãn Nhạ, Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 200848945 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 30/07/2015

8. Điện thoại liên hệ: 0913417206

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư Công nghệ Thực Phẩm / Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc công ty TNHH Thủy sản An – trực thuộc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

12. Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1990 – 1992	Xí nghiệp đông lạnh 32.	
Từ năm 1992 – 1994	Xí nghiệp đông lạnh 32.	KCS thủy sản đông lạnh
Từ năm 1994 – 1997	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Ca trưởng phân xưởng chế biến thủy sản
Từ năm 1997 – 1998	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó quản đốc phân xưởng chế biến
Từ năm 1998 – 2007	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quản đốc phân xưởng chế biến

Từ năm 2007 – 5/ 2014	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc Phân xưởng chế biến thủy sản
Từ 6/ 2014 – đến nay	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Công ty TNHH một thành viên thủy sản An.	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 106.664 cổ phần, chiếm 1,48% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện : không có.

- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Tuyết Hà	Em ruột	7.500	0,10
2	Dương Thị Nga	Chị ruột	97.500	1,35

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao HĐQT : 8.000.000 đồng / tháng

✦ Ông Trương Nguyên - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Trương Nguyên

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 08/08/1957.

4. Nơi sinh: Điện Bàn, Quảng Nam.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 03 Phạm Văn Nghị, Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 200118252 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 01/03/2008

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế/ Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Xí nghiệp thủy sản và Thực phẩm trực thuộc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1977 – 1978	Chi cục Thống kê, Quảng Nam Đà Nẵng.	Nhân viên
Từ 1978 – 1982	Tinh đội Quảng Nam Đà Nẵng.	Thượng Sỹ C2D70 Lữ 173
Từ 1982 – 1998	Công ty chế biến thủy sản Đà Nẵng	Trưởng P. TCHC
Từ 1998 – 2007	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Giám đốc
Từ 2007- đến nay	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Xí nghiệp thủy sản và thực phẩm trực thuộc Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 47.945 cổ phần, chiếm 0,66% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện : không có.

- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao HĐQT : 8.000.000 đồng/tháng.

✦ Ông Nguyễn Đình Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình Tuấn**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 16/02/1978

4. Nơi sinh: Quảng Nam

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 14 Ung Văn Khiêm, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 205745200 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Nam Ngày cấp: 10/02/2010

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư nhiệt – điện / Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh 32; Trại nuôi tôm Điền Hương trực thuộc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 - 2006	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Nhân viên kỹ thuật thuộc ban QLXD cơ bản

Từ 2007 - 2012	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Quản đốc PX cơ điện
Từ 2012 - 2014	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Quản đốc PX Cơ điện
Từ 2014 - 2015	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Tổng Giám đốc. Giám đốc
Từ 2015 – 2017	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2017 - đến nay	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Từ 2015 - đến nay	Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Giám đốc
Từ 2015 - đến nay	Trại nuôi tôm Điền Hương trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 11.200 cổ phần, chiếm 0,15% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao HĐQT : 8.000.000 đồng/tháng

↓ Bà Lê Thị Minh Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: **Lê Thị Minh Thảo**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 26/9/1987

4. Nơi sinh: Đà Nẵng.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 05 Lê Bình, An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201524353 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 17/10/2017

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sĩ kinh tế tài chính/ Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:
Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 – 05/ 2005	- Học sinh tại Đà Nẵng	
Từ 07/2005 -07 /2006	- Học tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh (thủ khoa kỳ thi tuyển sinh đại học)	
Từ 07/2006 – 07/2010	- Học đại học tại Trường Đại học Quốc gia Singapore – bằng danh dự ngành Kinh tế (học bổng chính phủ Singapore)	
Từ 09/2010- 12/2011	- Học thạc sĩ tại Trường Cardiff – Vương quốc Anh – ngành Kinh tế Tài chính.	
Từ 06/ 2013- 06/ 2015	- Viện đại học mở Hà Nội – Cử nhân Luật kinh tế	
Từ 01/2012- 07/ 2012	- Làm việc tại DKSH Việt Nam	
Từ 07/ 2012-09/2012	- Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận	Trợ lý Giám đốc

10/ 2012- 04/2015	Phước - P. Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Trưởng phòng
Từ 05/ 2015-đến nay	- Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 406.980 cổ phần, chiếm 5,64% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Phi Anh	Mẹ ruột	3.290.362	45,67
2	Lê Văn Cường	Cha ruột	82.500	1,14
3	Lê Thanh Thảo	Chị ruột	341.440	4,73

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao HĐQT : 8.000.000 đồng/tháng

✦ Bà Lê Thanh Thảo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: **Lê Thanh Thảo**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 11/12/1985
4. Nơi sinh: Đà Nẵng.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 141, Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201518147 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 10/7/2008

8. Điện thoại liên hệ

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sĩ Kinh tế phát triển/Cử nhân Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kinh doanh XNK.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/2009-08/2010	Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Nhân viên bộ phận Khách hàng doanh nghiệp
Từ 08/2010-11/2012	Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi nhánh Đà Nẵng	Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp
Từ 11/2012-06/2015	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Chi nhánh miền Trung	Chuyên viên Quản trị danh mục.
Từ 06/2015-04/2018	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Chi nhánh miền Trung	Chuyên viên Phát triển dự án
Từ 6/2017 - đến 4/2018	Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT.
Từ 05/2018 – đến nay	CTCP Thủy sản và thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT/Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 341.440 cổ phần, chiếm 4,73% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện: không có.

- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Phi Anh	Mẹ	3.290.362	45,67
2	Lê Văn Cường	Cha	82.500	1,14
3	Lê Thị Minh Thảo	Em	406.980	5,64

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước: không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao HĐQT : 8.000.000 đồng/tháng

Lý lịch Ban kiểm soát

✚ Bà Võ Thị Hà – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **Võ Thị Hà**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 03/12/1964

4. Nơi sinh : Duy Xuyên, Quảng Nam

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 22, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201184415 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 30/11/2013

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân kế toán thương nghiệp. Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Trưởng Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1987 – 7/1988	Xí nghiệp P7 – Quận khu 7 – TP HCM	Nhân viên kế toán kho hàng
8/1988 – 12/1988	Xí nghiệp bánh kẹo Đà Nẵng	Nhân viên kế toán kho hàng
01/1989 – 12/1994	Công ty Vật tư thứ liệu Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp
01/1995 – 3/1998	Công ty Kim khí – Vật tư thứ liệu miền Trung	Kế toán tổng hợp
4/1998 – 12/2008	Nhà máy cán thép miền trung thuộc Công ty Kim khí – Vật tư thứ liệu miền Trung	Kế toán trưởng
Từ 2009 – 2014	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Kế toán trưởng
Từ 2015 - 2016	Công ty TNHH Vũ Sơn Tùng	Kế toán trưởng
Từ 2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Trưởng ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,04% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao BKS : 10.000.000đồng/tháng

✚ Ông Mai Đăng Hải – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **Mai Đăng Hải**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 14/02/1977

4. Nơi sinh: Thọ Quang, Sơn trà , Đà Nẵng

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tờ 71 , Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201338833 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 28/4/2009

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân kinh tế thủy sản. Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

Thành viên Ban kiểm soát / Phó Phòng tổ chức hành chính

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 5/1999 – 3/2000	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên
Từ 4/2000 - 11/2007	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên
Từ 12/2007 - 07/2015	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Trưởng phòng TCHC,
Từ 07/2015 – đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên ban kiểm soát/ Phó phòng Tổ chức Hành chính

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân : 5.800 cổ phần, chiếm 0,08% Vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện : không có.

- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao BKS : 4.000.000đồng/tháng

✦ Bà Đặng Thị Hải – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **Đặng Thị Hải**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 12/02/1974

4. Nơi sinh: Ninh Bình.

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: K222/66 Trần Cao Vân, Tam Thuận, Thanh Khê, Đà Nẵng

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201190347 Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng Ngày cấp: 18/8/1998

8. Điện thoại liên hệ:

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Đại học

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: Thành viên Ban kiểm soát / Nhân viên thống kê.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 9/1998 – 12/1999	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Công nhân
Từ 2000 – /2012	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên thống kê

Từ 2012 – đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên ban kiểm soát/ Nhân viên thống kê
----------------------	---	--

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần, chiếm 0,05% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước : Thù lao BKS : 4.000.000đồng/tháng

Lý lịch Ban giám đốc :

- ✦ Bà Nguyễn Thị Phi Anh – Tổng giám đốc.
- ✦ Ông Trương Nguyên – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Dương Thị Tuyết Hằng – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Lê Thị Minh Thảo – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Bà Lê Thị Thanh Thảo – Phó Tổng Giám đốc.
- ✦ Ông Nguyễn Đình Tuấn – Phó Tổng Giám đốc.

(Lý lịch chi tiết của từng thành viên xem tại mục I – 13.5)

- ✦ Ông Phạm Đình Nguyên – Phó Tổng Giám đốc.

1. Họ và tên: **Phạm Đình Nguyên**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 06/12/1978

4. Nơi sinh: Quảng Nam

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 14 Phan Khoang, Hòa An, Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201664407

Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng

Ngày cấp: 19/3/2015

8. Điện thoại liên hệ:

Nhà riêng :

Di động: 0913429109

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư Thiết bị công nghệ Hóa – Thực phẩm.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước :
Phó Tổng Giám đốc.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An - Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 – 7/2007	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên KCS P. Kỹ thuật
8/2007 - 10/2018	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó phòng Kỹ thuật
11/2018 – 11/2019	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Giám đốc Nhà máy An An/ Phó phòng kỹ thuật công ty.
12/2019 – đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc nhà máy An An.

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân : 2.800 cổ phần. chiếm 0,03% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện : không có.
- Sở hữu của người có liên quan: không có.

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : không có.

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước : không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước :
không có

✦ **Bà Hà Thị Thu Thủy – Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: **Hà Thị Thu Thủy**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 09/11/1976

4. Nơi sinh: Đà Nẵng

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 51A Nguyễn Chí Thanh, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 201384566

✦ Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng

Ngày cấp: 16/02/2012

8. Điện thoại liên hệ:

Nhà riêng:

Di động: 0905810101

9. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế - Ngoại thương, Đại học Kinh tế và QTKD Đà Nẵng.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:
Quyền Kế toán trưởng công ty.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có

✦ 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2001 – 3/2006	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KHVT
Từ 4/2006 – 9/2007	Công ty TNHH Đức Việt	Nhân viên
Từ 10/2007 – 10/2013	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KHVT
Từ 11/2013 – 11/2014	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KDXNK

Từ 12/2014 – 12/2014	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó trưởng P. KTTV.
Từ 01/2015 – 8/2017	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quyền Kế toán trưởng P. KTTV
Từ 9/2017 – 11/2019	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Trưởng P. KTTV.
Từ 12/2019 – đến nay	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quyền Kế toán trưởng P. KTTV

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện sở hữu và người có liên quan trong Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước:

- Sở hữu cá nhân : 1.400CP, chiếm 0,01% vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện: không có.

- Sở hữu của người có liên quan: không có

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước: không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước: không có

14. Tài sản

14.1 Tài sản cố định hữu hình:

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại các thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị : 1.000 đồng

Danh mục	Tại 31/12/2018			Tại 31/12/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, VKT	105.276.363	50.520.664	47,99%	127.031.837	63.181.450	49,74%

Máy móc thiết bị	125.513.977	34.144.451	27,20%	131.394.832	31.084.168	23,66%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	29.079.790	3.822.994	13,15%	30.418.251	3.392.442	11,15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.285.254	-	-	3.285.254	-	0,00%
Tổng cộng	263.155.386	88.488.110	33,63%	292.130.174	97.658.061	33,43%

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

- ✓ Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dễ thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019 là 50.185.198.562 đồng.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 86.383.568.844 đồng.

14.2 Tài sản cố định vô hình:

Tình hình tài sản cố định vô hình tại các thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019

Đơn vị : 1.000 đồng

Danh mục	Tại 31/12/2018			Tại 31/12/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	20.100.000	19.970.117	99,35%	41.004.100	40.231.606	98,12%
Phần mềm máy tính	307.024	163.845	53,37%	307.024	86.193	28,07%
Tổng cộng	20.407.024	20.133.962	98,66%	41.311.123	40.317.798	97,60%

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

(*) Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 40.231.605.543 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 VND.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2019 gồm :

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3378 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 21.355 m², có thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2067. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3488 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 1.592,6 m², trong đó 214,7 m² có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043, 1.377,9 m² có thời hạn sử dụng đến ngày 11/01/2068. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang.

14.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại các thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019 như sau :

Đơn vị : 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
Dự án xây dựng nhà máy tại Tiền Giang	129.883	48.175.293
Công trình nhà nghỉ trưa cho công nhân KCN	106.722	-
Mảnh đất 3488 và tài sản gắn liền trên đất – Tiền Giang (*)	20.000.000	-
Cộng	20.236.604	48.175.293

(Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước)

(*) Công ty mua mảnh đất số 3488 và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/06/2018. Địa chỉ lô đất: ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, Huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, với diện tích 1.589,3m², có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043. Mục đích: xây dựng nhà máy tại Tiền Giang. Năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền và đã ghi tăng tài sản.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Trước tình hình kinh tế thế giới nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng đang còn nhiều bất ổn, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 là khá thận trọng.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	
			Kế hoạch	% +/- so với 2019
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.093.832	2.090.700	(0,15%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27.596	17.000	(38,39%)
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	1,32%	0,81%	(38,64%)
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu	%	11,35%	6,36%	(43,96%)
Cổ tức	%	10%	5%	(50%)

Nguồn : Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước

Bắt đầu từ tháng 01/2020, bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra diễn biến phức tạp và lây lan nhanh không chỉ ở Trung Quốc mà còn nhiều nước trên thế giới. Điều này cũng đã và đang tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu nông sản, trong đó có thủy sản Việt Nam với các thị trường, đặc biệt là với thị trường Trung Quốc.

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế thế giới, của ngành thủy sản cũng như tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Ban giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 giảm sâu so với năm 2019. Ban giám đốc xây dựng chỉ tiêu doanh thu thuần năm 2020 giảm 0,15% so với năm 2019, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2020 lại giảm gần 40% so với năm 2019, vì các nguyên nhân chính sau : giá nguyên liệu trong năm 2020 dự kiến tăng cao và nhanh hơn giá bán hàng hóa; chi phí lãi vay cao do dự án nhà máy Tiền Giang đang ở giai đoạn đầu của xây dựng cơ bản; tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trong năm 2020...

Để đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020, công ty chủ động đề ra các định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình mới như : tập trung sản xuất hàng giá trị gia tăng, các mặt hàng chủ lực như sản xuất Tôm Sushi, Tôm Sushi Ngâm, nobashi, tôm tẩm bột..., bên cạnh việc tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường; đầu tư cho vùng nuôi nguyên liệu của Công ty đạt theo các tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường như BRC, BSCI, ASC, IFS, Global GAP, BAP...; kiểm soát được chặt chẽ từ khâu con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc và các hóa chất sử dụng

trong quá trình nuôi, kiểm soát tốt các chi phí để hạ giá thành. Tổ chức tốt các khâu sản xuất, chế biến, giảm bớt các chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu, soát xét lại toàn bộ định mức tiêu hao nguyên liệu, tăng cường công tác tìm kiếm thị trường mới, tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu.....với giá thu mua hợp lý, mở rộng nguồn thu mua nguyên liệu các tỉnh phía Nam và gia công tại chỗ, tìm kiếm các nguồn vốn vay với lãi suất thấp, giảm bớt chi phí trung gian, nâng cao năng lực cạnh tranh là hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới với như vậy mới có thể đạt được những mục tiêu mà kỳ vọng trong năm 2020 đề ra.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước.

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 rất thận trọng. Doanh thu, lợi nhuận năm 2020 đều giảm so với năm 2019. Các nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và nếu không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty thì VCBS cho rằng các kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển mà Công ty đề ra trong năm 2020 là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch. Tuy nhiên, để đạt được kế hoạch trên, Ban lãnh đạo Công ty phải có sự quyết tâm cao trong công tác kinh doanh: giảm giá vốn, quán triệt giảm các khoản chi phí bất hợp lý phát sinh như trong năm 2018, 2019.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngày 11/11/2019, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 747/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch 7.203.995 cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước (mã cổ phiếu : TTP) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (sàn UPCOM). Ngày 18/11/2019 là ngày giao dịch đầu tiên toàn bộ số cổ phiếu nêu trên với giá tham chiếu là 22.900 đồng/ cổ phiếu.

Về việc chậm trễ trong vấn đề chậm đăng ký giao dịch, ngày 17/01/2020, Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước có nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc chậm đăng ký giao dịch chứng khoán quá thời hạn 12 tháng. Ngày 21/01/2020, Công ty đã thực hiện nộp phạt theo Quyết định nêu trên.

Đối với số cổ phiếu phát hành thành công trong đợt phát hành lần này, Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước sẽ thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt phát hành.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán (nếu có)

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành :

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là : 14.407.190 cổ phần trong đó :

+ Phát hành 7.203.595 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

+ Chào bán 7.203.595 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

4. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

So sánh với giá trị sổ sách :

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước tại thời điểm 31/12/2018 như sau :

Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh
phí và quỹ khác 239.234.297.171

Giá sổ sách/cổ phần = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$ = $\frac{239.234.297.171}{7.203.595}$ = 33.210 đồng

Tổng số cổ phiếu đang lưu
hành bình quân 7.203.595

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước tại thời điểm 31/12/2019 như sau :

Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh
phí và quỹ khác 243.221.212.388

Giá sổ sách/cổ phần = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$ = $\frac{243.221.212.388}{7.203.595}$ = 33.764 đồng

Tổng số cổ phiếu đang lưu
hành bình quân 7.203.595

So sánh với giá thị trường : Giá thị trường của cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy sản thương mại Thuận Phước bình quân 30 phiên (từ ngày 20/12/2019 đến 09/02/2020) là 19.930 đồng/ cổ phiếu.

Đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, những cổ đông gắn bó lâu dài với công ty, cùng góp tay chung sức đưa công ty ngày càng phát triển nên HĐQT đề xuất mức giá chào bán là: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu

6. Phương thức phân phối:

+ **Đối với việc tặng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu : Tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1**

Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 01 quyền thì nhận được 01 cổ phiếu mới phát hành.

+ **Đối với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu : Tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1**

Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 01 quyền thì nhận quyền mua được 01 cổ phiếu mới phát hành.

Ví dụ : Cổ đông B sở hữu 294 cổ phiếu. Cổ đông B sẽ được nhận thưởng 294 cổ phiếu mới phát hành và nhận được quyền mua tương ứng là 294 cổ phiếu với mức giá 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Xử lý số cổ phần không bán hết: Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp, với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

Trường hợp đối tượng được phân phối cổ phiếu còn dư theo phương án phát hành này dẫn đến tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho các đối tượng này không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Cổ phiếu dự kiến được phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc phân phối trong thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xem xét cấp giấy chứng nhận, danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua thêm cổ phiếu phát hành được chốt lại.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN.

Sau khi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được UBCKNN xem xét, cấp giấy chứng nhận, trong vòng 12 ngày làm việc, Công ty sẽ chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD sẽ gửi danh sách phân bổ quyền đến Công ty và các thành viên lưu ký. HĐQT Công ty (đối với cổ đông chưa lưu ký) hoặc Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản sẽ thông báo đến tất cả các cổ đông trong danh sách nêu trên số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ, số lượng cổ phiếu được mua thêm, thời hạn đăng ký mua cổ phần, thời hạn chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác.

Nếu phiếu đăng ký mua CP hoặc phiếu chuyển quyền ưu tiên mua CP không được gửi về Công ty hoặc Công ty chứng khoán đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.

Sau khi việc phát hành cho cổ đông hiện hữu kết thúc, trong vòng 10 ngày làm việc tiếp theo, căn cứ vào báo cáo thực hiện quyền của VSD gửi và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và/hoặc cổ phiếu không được cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hết, HĐQT sẽ phân phối cho cổ đông khác theo những điều kiện phù hợp, với giá không thấp hơn so với giá

phát hành cho cổ đông hiện tại. Thời gian đăng ký và nộp tiền trong vòng 07 -10 ngày làm việc tiếp theo.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ gửi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN kèm theo bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán.

Lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được công bố chính thức khi công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN. Sau đây là bảng lịch trình dự kiến. Lịch trình trên được tính theo ngày làm việc.

STT	Trình tự thủ tục	Thời gian dự kiến
1.	Tổ chức phát hành nộp Hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng lên UBCKNN và chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu.	
2.	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán cổ phiếu	Giả định là thời điểm D
3.	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.	$D1 = D + 7$
4.	Chốt danh sách cổ đông và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến từng cổ đông.	$D2 = D1 + 12$
5.	Cổ đông trong danh sách chốt quyền mua cổ phiếu sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu. Chuyển nhượng quyền mua.	$D3 = D2 + 20$
6.	Xử lý cổ phiếu lẻ/ cổ phiếu không bán hết	$D4 = D3 + 20$
7.	Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN	$D5 = D4 + 10$
8.	Chuyển giao cổ phiếu cho các cổ đông đăng ký mua	$D6 = D5 + 30$

9. Phương thức thực hiện quyền

Công ty sẽ thông báo tới các cổ đông về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua dự kiến trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cổ đông có tên trong Danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ mua đã quy định. Cổ đông đã lưu ký sẽ đăng ký và nộp tiền mua tại Công ty chứng khoán, nơi mở tài khoản lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký sẽ đăng ký mua và nộp tiền tại Trụ sở chính Công ty.

Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho bên

thứ 3. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thoả thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty chứng khoán nơi Bên chuyển nhượng mở tài khoản. Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty.

Trong trường hợp các cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư/ cổ đông đó vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho nhà đầu tư/ cổ đông đó được mua số lượng cổ phần tương ứng mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với các điều ước quốc tế)

Sau khi đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài áp dụng đối với một số ngành nghề của Công ty như hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, sản xuất nước giải khát các loại... không giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên, ngành nghề đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa... có giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0 %, vì vậy tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty tối đa là 0%.

Hiện tại, cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước không có cổ đông nước ngoài.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

Về phương án phân phối cổ phiếu cho đối tượng khác trong trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ (cổ phiếu làm tròn xuống và không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu), Công ty cam kết sẽ đáp ứng quy định tại Điểm 3 – Điều 9 – NĐ 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi

khoản 7 – Điều 1 – ND số 60/2015/ND-CP ngày 26/06/2015. Số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

a. Đối với trường hợp chuyển nhượng chứng khoán:

Theo luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

b. Đối với hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và thương mại Thuận Phước

Thuế giá trị gia tăng: Hiện tại, Công ty áp dụng thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 15%

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Không có

Các loại thuế khác được áp dụng theo luật thuế hiện hành Việt Nam

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu :

- Tên tài khoản : Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước

- Tài khoản số : 113002689976 – tại NH Công thương Việt Nam – CN Đà Nẵng

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước phát hành 14.407.190 cổ phần đợt này, trong đó: phát hành 7.203.595 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán 7.203.595 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, nhằm mục đích tăng vốn điều lệ Công ty; tạo nguồn vốn đối ứng và phục vụ cho dự án “Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”.

Căn cứ pháp lý:

- ✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất, số sổ: CH927221 số vào sổ GCN06071 ngày 14/4/2017
- ✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất, số sổ: BD052907 số vào sổ GCN: CH00447 ngày 14/4/2011
- ✓ Quyết định chủ trương đầu tư số 3382/QĐ-UBND Ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang
- ✓ Giấy phép xây dựng số 456/GPXD của sở xây dựng tỉnh Tiền Giang.

Phương án khả thi :

Một số thông tin chính về “Dự án đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”, cụ thể như sau :

- **Tên dự án** : “Dự án đầu tư xây dựng mới Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An – Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước”
- **Chủ đầu tư** : Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
- **Tổ chức tư vấn lập dự án**: Chủ đầu tư .
- **Chủ nhiệm lập dự án** : Chủ đầu tư .
- **Mục tiêu đầu tư xây dựng** : sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, công suất thiết kế: 4.950 tấn sản phẩm/năm.
- **Hình thức đầu tư** : đầu tư xây dựng mới.
- **Địa điểm xây dựng** : ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- **Diện tích sử dụng đất**: 22.944,3 m²
- **Loại và cấp công trình** : nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà để xe, nhà ăn tập thể, nhà lò hơi, kho các loại và các công trình phụ trợ khác thuộc cấp 3, cấp 4.
Các hạng mục phụ trợ, phục vụ khác: Hệ thống giao thông nội bộ, xây xanh cảnh quan, hàng rào, cổng chính, trạm biến áp, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện.
- **Thời gian thực hiện dự kiến** :
 - + Thực hiện thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng: quý IV/2018
 - + Xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ: quý I/2019 đến quý III/2020
 - + Lắp đặt thiết bị: quý I/2020 đến quý III/2020
 - + Hoạt động chính thức: quý IV/2020.
- **Tổng mức đầu tư của dự án**: 390.000.000.000 đồng

STT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Tổng tiền	VAT	Bao gồm VAT
A	Phần mua TSCĐ	đồng	327.076.827.016	28.611.326.934	355.688.153.950
1	Quyền sử dụng đất	đồng	40.000.000.000		40.000.000.000
2	Công trình xây dựng	đồng	189.000.786.275	18.900.078.628	207.900.864.903
3	Máy móc, thiết bị	đồng	98.076.040.741	9.711.248.306	107.787.289.047
B	Chi phí lãi vay	đồng	24.843.046.050		24.843.046.050
C	Dự phòng công trình	đồng	8608.000.000	860.800.000	9.468.800.000
	Tổng cộng (A +B +C) :		350.527.873.066	29.472.126.934	390.000.000.000

- **Nguồn vốn đầu tư**: vốn tự có (117.000.000.000 đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư), vốn vay (273.000.000.000 đồng, chiếm 70% tổng vốn đầu tư).
- Ngày 23/07/2019, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đà Nẵng (Vietinbank Đà Nẵng) đã có công văn số 311/CV-CNĐN-DNL về việc Ngân hàng đồng ý cấp giới hạn tín dụng (GHTD) và cấp khoản tín dụng cho Công ty cổ phần thủy sản

thương mại Thuận Phước. Cụ thể : GHTD là 350 tỷ, trong đó : GH cho vay ngắn hạn 95 tỷ đồng, GH bảo lãnh ,L/C, CK 95 tỷ, GH cho vay trung dài hạn 239 tỷ, GH bảo lãnh liên quan đến khoản dự án đầu tư 16 tỷ đồng.

- **Quy mô, công suất:** 4.950 tấn sản phẩm/năm
- **Chỉ tiêu hiệu quả tài chính**

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Hệ số hoàn vốn nội bộ IRR	12,33%
2	Giá trị hiện tại ròng NPV	12.605,16 đồng
3	Thời gian thu hồi vốn đầu tư	12 năm
4	Doanh thu trung bình năm	1.401,3 tỷ đồng
5	Lợi nhuận sau thuế bình quân năm	13,3 tỷ đồng
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /vốn chủ	12,24 %
7	Nộp ngân sách Nhà nước hàng năm.	1,9 tỷ đồng
8	Lao động	Khoảng 1.000 người

- **Sự cần thiết đầu tư:**

Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-TTG ngày 16/09/2010. Quan điểm của chiến lược này là “Phát triển thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa, có thương hiệu, uy tín, có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển nghề cá nhân dân thành nghề cá hiện đại; nâng cao mức sống, điều kiện sống của cộng đồng ngư dân và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho nghề cá, xác định nông, ngư dân và doanh nghiệp là chủ thể chính của sản xuất thủy sản”

Tại Tiền Giang, ngành chế biến thủy hải sản và nuôi trồng thủy hải sản là ngành “mũi nhọn” và được các cấp chính quyền quan tâm hàng đầu. Trong đó khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, nuôi trồng thủy hải sản, phát triển công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp nhằm đáp ứng và hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa đến năm 2020 theo kế hoạch của tỉnh.

Với tiềm năng kinh tế của chủ đầu tư và quỹ đất hiện có, việc đầu tư xây dựng mới Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An với công suất 4.950 tấn sản phẩm/năm của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước là phù hợp với định hướng phát triển ngành “mũi nhọn” của Tiền Giang nói chung và cần thiết cho sự phát triển của Công ty nói riêng.

Ngoài những lợi kinh tế mang lại cho chủ đầu tư thì dự án còn mang lại hiệu quả kinh tế xã hội như sau:

- Khả năng huy động vốn: Góp phần thúc đẩy nền công nghiệp chế biến thủy sản tại khu vực và quốc gia phát triển theo hướng hiện đại hóa, hoàn thành chỉ tiêu xuất khẩu thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - Sản phẩm của dự án chủ yếu xuất khẩu ra nước ngoài, góp phần làm gia tăng ngoại tệ thu được, cải thiện cán cân thanh toán, kích thích đổi mới công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, cải biến cơ cấu kinh tế ngành của địa phương nói riêng và của ngành thủy sản nói chung.
 - Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
 - Tạo công ăn việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động.
- Cập nhật tình hình thực hiện dự án cho đến thời điểm 31/12/2019 :**
1. Nhà xưởng chế biến: Đồ sàn gần 1/2 diện tích , đang tiến hành ép cọc phần còn lại.
 2. Kho lạnh: Đang lắp Panel , 4 kho lắp được 3 kho còn lại đang lắp kho còn lại.
 3. Khối văn phòng: Đã xong phần thô, đang làm phần hoàn thiện, điện nước.
 4. Nhà lưu trú: đổ được sàn tầng 2, còn đang làm tiếp tục 2 tầng còn lại
 5. Khu phụ trợ : Nhà ăn, kho bao bì đang thi công trụ , Nhà vận hành đã hoàn thành, Nhà cơ điện đang xây tô.
 6. Phần thiết bị các nhà thầu : Đang tập kết hệ thống máy nén, hệ thống điều hòa.
 7. và Các hạng mục khác : Đang triển khai hệ thống nước cấp, nước thải.
 8. Tổng chi phí đầu tư phát sinh tính đến 31/12/2019 : 154.018.900.706 đồng, trong đó:
 - Đất đai , quyền sử dụng đất : 41.004.099.758 đồng.
 - XDCB hoàn thành : 30.464.521.700 đồng.
 - Tạm ứng cho các nhà thầu : 82.550.279.248 đồng.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm mục đích chuyển nguồn vốn tích lũy của Công ty thành vốn điều lệ, làm vốn đối ứng cho dự án Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An.

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu : Căn cứ vào mức giá xác định bán cho các đối tượng, nếu bán được toàn bộ thì tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 72.035.950.000 đồng, được sử dụng cho mục đích “Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”. Cụ thể :

STT	Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền (Đồng)	Thời gian sử dụng nguồn vốn dự kiến	
			Thời gian bắt đầu sử dụng	Thời gian kết thúc sử dụng
1	Chi phí nhà xưởng cho Dự án Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	46.835.950.000	03 ngày sau khi UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả đợt chào bán	Quý II/2020
2	Chi phí mua máy móc thiết bị cho dự án Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	25.200.000.000		Quý II/2020
Tổng Cộng		72.035.950.000		

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ tạm thời vay vốn ngân hàng để triển khai dự án theo kế hoạch. Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc ưu tiên mục đích sử dụng vốn cho hiệu quả, cân đối tiến độ triển khai và huy động nguồn vốn để bù đắp, mang lại lợi nhuận tối ưu cho Công ty.

Cam kết sử dụng vốn: Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc Công ty cam kết sử dụng vốn một cách minh bạch, công khai nhằm mang lại hiệu quả và sinh lợi cao nhất.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại : 02439 360 261 Fax: 02439 360 262

Website : www.vcbs.com.vn

Chi nhánh : 135 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 02363 888 991 Fax: 0236 3 888 881

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (84) 236.3655886 Fax : (84) 236.3655887

Website : www.aac.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (84) 236.3633334 Fax : (84) 236.3633334

Website : www.rsm.com.vn

3. Ý kiến của VCBS về đợt chào bán cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty chứng khoán NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã thu thập được về Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, VCBS có một số nhận định như sau:

Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đợt này là để tăng quy mô vốn điều lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ vốn cho “Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”. Đây là kế hoạch tăng vốn và sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị và ban giám đốc cân nhắc kỹ và đệ trình cho các cổ đông xem xét tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tổng giá trị số vốn phát hành đợt này là 144.071.900.000 đồng, tăng thêm gần 200% so với vốn điều lệ hiện có. Đây là số vốn cần huy động khá lớn, tuy nhiên khả năng thành công cao do 72.035.950.000 đồng là từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phần còn lại là chào bán cho cổ đông hiện hữu. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu chỉ 10.000 đồng/ cổ phiếu, trong khi giá trị sổ sách tại 31/12/2018 là : 29.290 đồng/ cổ phiếu; 31/12/2019 là 33.759 đồng/ cổ phiếu. Giá thị trường cổ phiếu Công ty giao dịch bình quân trong 30 phiên là 19.930 đồng/ cổ phiếu.

Như vậy, bên cạnh một số rủi ro không thể tránh khỏi của đợt chào bán như chào bán không thành công hay cổ phiếu bị pha loãng sau phát hành..thì việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành lần này là một bước tiến cần thiết và phù hợp cho Công ty để triển khai các kế hoạch phát triển đã được Đại hội cổ đông thông qua.

**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN
CHÀNG BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Đà Nẵng, ngày...10...tháng...04...năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN VĂN LĨNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ PHI ANH

KÊ TOÁN TRƯỞNG

HÀ THỊ THU THỦY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VÕ THỊ HÀ

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC VCBS - CN ĐÀ NẴNG



PHẠM KIM NGỌC

X. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất;
2. **Phụ lục II:** Bản hợp lệ Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 14/NQ-DHĐCĐTN ngày 27/04/2019;
4. **Phụ lục IV:** Bản hợp lệ tờ trình số 10/TT-HĐQT ngày 12/04/2019 về Phương án phát hành tăng vốn điều lệ trong năm 2019;
5. **Phụ lục V :** Bản hợp lệ Quyết định HĐQT số 15/QĐ-HĐQT ngày 28/05/2019;
6. **Phụ lục VI :** Bản hợp lệ Quyết định HĐQT số 22/QĐ-HĐQT ngày 12/06/2019;
7. **Phụ lục VII :** Bản hợp lệ Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2017, 2018 và 2019;
8. **Phụ lục VIII :** Các tài liệu pháp lý của “Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An”.

